

Số: 04/CBTT-DVW

V/v: Công bố thông tin Báo cáo
thường niên năm 2019 của DVW

Đồng Nai, ngày 30 tháng 3 năm 2020



CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

I- GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC CÔNG BỐ THÔNG TIN:

- 1- Tên Công ty: Công ty cổ phần Dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai.
- 2- Trụ sở chính: Số 52 Cách mạng tháng 8, Phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
- 3- Điện thoại: (0251) 3941679 Fax: (0251) 3840797
- 4- Email: dvxcdn@yahoo.com.vn Website: www.dvxcdn.com
- 5- Người thực hiện công bố thông tin: **Lê Chí Nguyên Thăng**
- 6- Điện thoại (di động): 0909385874 Email: lcnthang@gmail.com
- 7- Loại thông tin công bố:

Định kỳ 24h Theo yêu cầu Khác

II- NỘI DUNG THÔNG TIN CÔNG BỐ:

Công bố thông tin: Báo cáo thường niên năm 2019 của Công ty cổ phần Dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai.

(Đính kèm Tài liệu Báo cáo thường niên năm 2019)

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 30/3/2020 tại Website: www.dvxcdn.com

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
CÔNG BỐ THÔNG TIN**

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Lê Chí Nguyên Thăng



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2019



CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI



I. THÔNG TIN CHUNG

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

IV. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

V. BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

VI. BÁO CÁO QUẢN TRỊ

VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH



MỤC LỤC



CHƯƠNG I

THÔNG TIN CHUNG

- Thông tin khái quát
- Quá trình hình thành và phát triển
- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- Các rủi ro



THÔNG TIN KHÁI QUÁT





CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

- Tên giao dịch quốc tế: Dong Nai Water Supply Construction And Services Joint - Stock Company
- Tên viết tắt: DWCS
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3600978879 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp lần đầu ngày ngày cấp 18/02/2008; thay đổi lần thứ 8 ngày 11/07/2019
- Vốn điều lệ: 23.450.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 23.481.510.500 đồng
- Địa chỉ: 52 đường Cách Mạng Tháng 8, phường Quyết Thắng, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai
- Số điện thoại: (0251) 3941 679
- Số fax: (0251) 3840 797
- Website: www.dvxdcn.com
- Mã cổ phiếu: DVW





QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

2007

Với tiền thân là Xí nghiệp Thiết kế Xây dựng – một đơn vị trực thuộc Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai, Công ty chuyển đổi thành công ty cổ phần theo quyết định số 3058/UBND ngày 24/09/2007 của UBND tỉnh Đồng Nai với tên gọi Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai.

2008

Ngày 16/01/2008, Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai được tổ chức thành công, Công ty chính thức hoạt động theo hình thức công ty cổ phần có vốn góp Nhà nước.

2011

Tỷ lệ vốn góp của Nhà nước tại Công ty cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai giảm từ 51% xuống còn 36% theo CV chấp thuận số 1644/UBND - KT ngày 09/3/2011 của UBND tỉnh Đồng Nai.

2012

Dự án nhà máy nước Hoá An (địa điểm tại xã Hoá An, TP. Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai) với công suất 15.000m³/ ngày đêm do Công ty làm chủ đầu tư chính thức được khởi công xây dựng vào tháng 3/2013.

2014

Tháng 06/2014, nhà máy nước Hoá An công suất 15.000m³/ngày đêm, trực thuộc Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai chính thức đi vào hoạt động.

2016

Từ ngày 26/08/2016, Công ty thực hiện tiếp nhận chuyển giao từ Công ty Cấp nước Đồng Nai toàn bộ hệ thống cấp nước và khách hàng sử dụng nước cho 4 phường xã: Hoà An, Tân Hạnh, Bửu Hoà và Tân Vạn (thuộc Thành phố Biên Hoà) để đưa vào vận hành và quản lý (theo Thông báo số 95/TB-CN ngày 31/05/2016 và công văn số 45/CV-HĐQT ngày 21/07/2016 của Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai).

2017

Ngày 12/10/2017, Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Đồng Nai trở thành công ty Đại chúng theo Quyết định số 6848/UB-CK-GSDC Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Ngày 29/12/2017, Công Ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai được cấp giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán do VSD cấp (số 241/201GCNCP-VSD).

2018

Công ty đã được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận hồ sơ đăng kí giao dịch trên sàn Upcom và đã chính thức giao dịch trên sàn chứng khoán Upcom kể từ ngày 06/06/2018.

Ngày 23/8/2018 Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600978879 đăng ký thay đổi lần thứ 7, do thay đổi vốn điều lệ từ 16,75 tỷ đồng thành 23,45 tỷ đồng.

Hiện nay vốn điều lệ của Công ty là: 23,45 tỷ đồng. Tổng số lượng cổ phiếu đăng ký lưu hành là: 2.345.000 cổ phiếu.





THÀNH TỰU

Bằng khen đạt thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua và hoạt động Công đoàn năm 2012 của Liên đoàn Lao động tỉnh Đồng Nai (Quyết định số 823/QĐKT ngày 22/01/2013).

Giấy khen đạt thành tích trong phong trào thi đua và hoạt động Công đoàn năm 2014 của Công đoàn Tổng công ty Sonadezi (Quyết định số: 04/QĐ-CĐTCT ngày 12/12/2014).

Giấy khen Công đoàn cơ sở vững mạnh xuất sắc năm 2015 (Quyết định số: 05/QĐ-CĐTCT ngày 19/12/2015).

Bằng khen Đơn vị đạt thành tích xuất sắc trong hoạt động công đoàn năm 2015 của Liên đoàn Lao động tỉnh Đồng Nai (Quyết định số 623/QĐKT-LĐLĐ ngày 26/01/2016).





Bảng khen Đơn vị đạt thành tích xuất sắc trong hoạt động công đoàn năm 2016 của Liên đoàn Lao động tỉnh Đồng Nai (Quyết định số 794/QĐKT-LĐLĐ ngày 05/01/2017).

Bảng khen: Đơn vị tổ chức tốt Điều kiện sống và làm việc của Công nhân viên chức ngành Xây dựng năm 2012 được Bộ Xây dựng và Công đoàn Xây dựng Việt Nam công nhận theo Quyết định ngày 24/01/2013

Giấy khen của Công đoàn Tổng Công ty Sonadezi năm 2015 nhiệm kỳ (2012-2015) đơn vị đạt thành tích xuất sắc trong hoạt động công đoàn.

Bảng khen Tổ công đoàn xuất sắc cho 06 tổ công đoàn trực thuộc công đoàn cơ sở Công ty (Quyết định số 13/QĐKT-CĐTCT ngày 15/01/2019).

Ngoài ra còn có: 11 Giấy khen đơn vị đạt thành tích lao động tiên tiến, xuất sắc từ năm 2009 đến năm 2019 do Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai (cấp theo các Quyết định khen thưởng theo năm của Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai).





NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh

- Xây dựng công trình đường ống cấp thoát nước, trạm bơm, công trình dân dụng, công nghiệp;
- Lắp đặt ống cấp nước, thoát nước, bơm nước;
- Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp, công trình cấp nước; giám sát thi công lắp đặt thiết bị công trình, xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng;
- Khai thác, xử lý và phân phối nước sạch; khai thác nước phục vụ sinh hoạt đô thị và công nghiệp;
- Sản xuất sản phẩm kim loại ngành xây dựng (không sản xuất tại trụ sở).



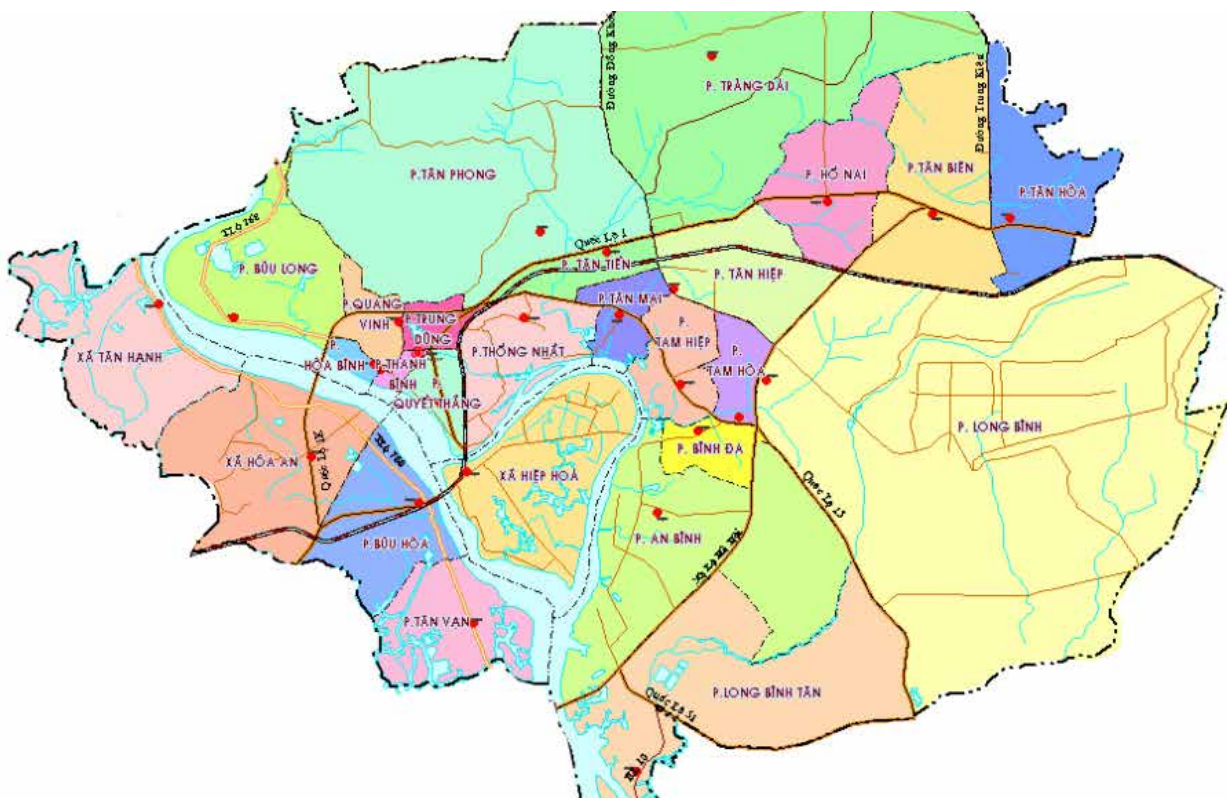
Sản phẩm chính

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước (cung cấp nước sạch);
- Lắp đặt ống cấp nước, thoát nước, bơm nước.



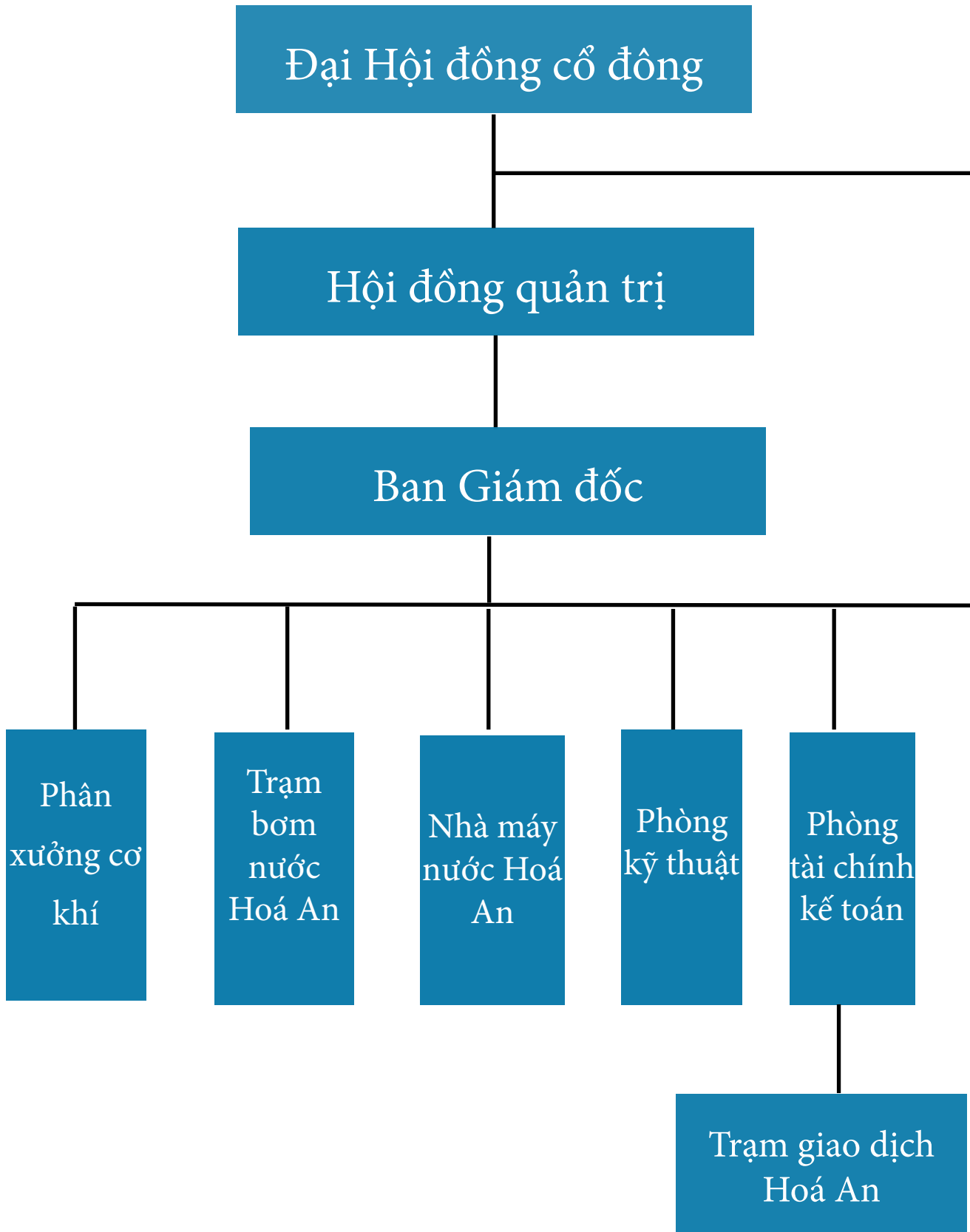
Địa bàn kinh doanh

- Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai tập trung hoạt động chủ yếu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai với các hoạt động liên quan đến dịch vụ cấp nước và thi công lắp đặt hệ thống nước.
- Riêng hoạt động cung cấp nước sạch, phạm vi cấp nước hiện nay của Công ty là các phường xã phía tây nam thành phố Biên Hòa, bao gồm 4 phường xã: Hóa An, Tân Hạnh, Bửu Hòa và Tân Vạn.





CƠ CẤU TỔ CHỨC



Ban
Kiểm
soát

Phòng
kế hoạch
tổng hợp

Tổ xây
dựng

Đội thi
công I

Đội thi
công II

Đội thi
công III



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Theo định hướng của Đại hội đồng cổ đông, tiếp tục hoạt động sản xuất kinh doanh trong các năm tới. Phát triển hệ thống cung cấp nước, hệ thống khách hàng, nâng cao doanh thu, lợi nhuận;
- Thực hiện tốt các chỉ tiêu đã đề ra, đảm bảo hoạt động ổn định, phân chia lợi nhuận, đảm bảo lợi ích cho cổ đông và người lao động;
- Ngoài ra, việc huy động và sử dụng vốn hiệu quả nhằm nâng cao việc hoạt động, mở rộng mạng lưới hoạt động, tối ưu hoá lợi nhuận;
- Đưa ra những chính sách phúc lợi, lương thưởng phù hợp giúp nâng cao thu nhập của người lao động; thực hiện nhiệm vụ theo quy định của Nhà nước và định hướng sự phát triển bền vững cho Công ty.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Phát triển mở rộng mạng lưới cấp nước để sử dụng hết công suất của nhà máy nước Hóa An 15.000m³/ngày đêm. Thay thế, cải tạo các tuyến ống cấp nước lâu năm để đảm bảo cung cấp nước cho 04 phường Hóa An, Tân Hạnh, Bửu Hòa, Tân Vạn. Duy trì ổn định sản xuất và đảm bảo cung cấp nước cho các khách hàng sử dụng nước. Khai thác khách hàng tiềm năng. Phát triển khách hàng, mở rộng mạng lưới cấp nước, gia tăng sản lượng tiêu thụ nước.
- Quản lý vận hành tốt nhà máy nước Hoá An 15.000m³/ ngày đêm; hoàn thiện cơ cấu tổ chức hoạt động và vận hành sản xuất của nhà máy; tăng cường công tác quản lý và các biện pháp kỹ thuật trong hoạt động sản xuất nước; tiết kiệm chi phí sản xuất, phấn đấu hạ tỷ lệ thất thoát nước.
- Duy trì hoạt động của trạm bơm nước thô Hoá An, đảm bảo nguồn nước và nhu cầu sử dụng nước của khách hàng và sản lượng theo kế hoạch.
- Hoàn thiện và không ngừng nâng cao trình độ: quản lý hệ thống phân phối cấp nước, hiện trạng cấp nước, quản lý nhà máy nước, chất lượng nước, quản lý ghi thu, quản lý khách hàng, quản lý vật tư thiết bị, quản lý nguồn nhân lực...
- Học tập kinh nghiệm từ Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai và các doanh nghiệp cùng ngành trong việc thực hiện các biện pháp cấp nước an toàn và công tác chống thất thoát nước. Tập trung thực hiện triệt để và đồng bộ các giải pháp phòng chống thất thoát nước, xem đây là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu để không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Xây dựng kế hoạch và lộ trình từng bước cho mục tiêu giảm thất thoát.
- Duy trì hoạt động thi công lắp đặt hệ thống nước, lắp đặt hệ thống ống nhánh cho khách hàng. Thi công các công trình cải tạo, sửa chữa, di dời, mở rộng hệ thống cấp nước do Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai giao thực hiện.
- Nắm bắt thông tin để tham gia đấu thầu các dự án có liên quan đến thi công hệ thống cấp nước, các công trình cấp nước sinh hoạt và công nghiệp. Chủ động tìm kiếm, khai thác các hợp đồng xây lắp, các công trình thuộc lĩnh vực và chức năng hoạt động của Công ty để đảm bảo kế hoạch về sản lượng và doanh thu của năm 2020.
- Thực hiện đầu tư mua sắm tài sản, trang thiết bị, công cụ, dụng cụ sản xuất... theo kế hoạch được Hội đồng quản trị phê duyệt, sử dụng nguồn từ quỹ đầu tư phát triển và nguồn vốn kinh doanh của Công ty. Cân đối các nguồn lực tài chính để trả nợ vay và tái đầu tư sản xuất.
- Xây dựng và triển khai phương án cải tạo nhà máy nước hiện hữu, nâng công suất nhà máy nước từ 15.000m³/ ngày đêm lên thành 30.000 m³/ngày đêm để đáp ứng nhu cầu cấp nước cho khách hàng trong tương lai.



Các mục tiêu phát triển bền vững

Đi cùng với sự phát triển kinh tế, tăng trưởng lợi nhuận thì bảo vệ môi trường cũng là tiêu chí hàng đầu của Công ty. Để duy trì nguồn nguyên liệu đầu vào đảm bảo, đáp ứng yêu cầu khách hàng thì việc chung tay cùng cộng đồng để bảo vệ nguồn nước, môi trường là nhiệm vụ cần thiết.



CÁC RỦI RO

Rủi ro kinh tế

Sự chuyển động của nền kinh tế có tác động không nhỏ đến hoạt động của Công ty. Việc kí kết hợp Hiệp định Thương mại tự do và Hiệp định Bảo hộ đầu tư giữa Việt Nam – EU (EVFTA và IPA) đã tạo ra nhiều bước ngoặt cho nền kinh tế Việt Nam. Trong đó, tỉnh Đồng Nai là một tỉnh có nền kinh tế phát triển, thu hút được vốn đầu tư từ nhiều nơi, tập trung nhiều nhà máy và khu công nghiệp. Tuy nhiên, Chiến tranh thương mại Mỹ - Trung tiếp tục tác động không nhỏ đến nền kinh tế thế giới, từ đó ảnh hưởng đến dòng vốn FDI vào nước ta cũng như tốc độ tăng trưởng trong lĩnh vực khu công nghiệp.

Đặc thù là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực cấp thoát nước, luôn nằm trong danh mục khuyến khích của Chính phủ, Công ty ít chịu tác động bởi các yếu tố trên. Tuy nhiên, Công ty không chủ quan trong việc theo dõi và cập nhật thường xuyên tình hình kinh tế thế giới để đưa ra những chiến lược phát triển phù hợp.

Rủi ro giá cả

Nước là sản phẩm sinh hoạt thiết yếu với cuộc sống nên luôn nhận được sự quan tâm từ Nhà nước. Mức giá áp dụng phụ thuộc hoàn toàn vào khung giá do Nhà nước ban hành và Công ty không thể chủ động điều chỉnh, do đó ảnh hưởng đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty còn hoạt động trong nhiều lĩnh vực khác như: thi công, thiết kế và xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp nên công ty có thể bị ảnh hưởng khi giá nguyên vật liệu đầu vào biến động.

Để hạn chế việc ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh, Công ty đưa ra chính sách nhằm kiểm soát tốt tỷ lệ thất thoát nước, chi phí nhân công và chi phí vận hành. Ngoài ra, Công ty tìm kiếm đối tác cung cấp nguyên vật liệu uy tín và giá cả cạnh tranh góp phần tăng doanh thu và lợi nhuận.

Rủi ro nguyên liệu đầu vào

Vì nước sử dụng trong sinh hoạt yêu cầu nguồn nước phải sạch thì mới đảm bảo sức khỏe nên Công ty cũng gặp khá nhiều khó khăn trong việc duy trì nguồn nguyên liệu sạch. Nguồn nguyên liệu đầu vào của Công ty lấy chủ yếu từ sông Đồng Nai. Những yếu tố từ khí hậu, sự ô nhiễm môi trường, chất thải từ các nơi đổ về sông sẽ làm ảnh hưởng đến nguồn cung cấp của Công ty. Do đó, đảm bảo nguồn nước luôn sạch và đầy đủ thì Công ty đã khai thác có kế hoạch, vận dụng khoa học kĩ thuật để nâng cao hệ thống vận hành cung cấp nước, kiểm tra chất lượng đường ống thoát nước thường xuyên.



Rủi ro thất thoát nước

Nước bị rò rỉ gồm hai loại là nước tràn lan trên mặt đất và nước ngầm (cống thoát nước, ống nước ngầm,...). Với nước trên mặt thì việc khắc phục nhanh chóng, không tốn quá nhiều chi phí; còn với hệ thống nước ngầm thì phải dò tìm, sửa chữa mất nhiều thời gian và chi phí. Chính vì thế, Công ty đã áp dụng thêm nhiều biện pháp như: gắn van 1 chiều, van xả khí tại trạm bơm để hạn chế lượng nước thất thoát, và đầu tư thêm máy móc thiết bị nâng cao công nghệ xử lý nước, tăng cường kiểm tra hệ thống phân phối xử lý nước.



Rủi ro pháp luật

Công ty Cổ phần và Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai hoạt động tại Việt Nam nên chịu sự quản lý và chi phối của luật Việt Nam như: Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Tài Nguyên, Luật Bảo vệ Môi trường,... và các quy định về an toàn chất lượng nguồn nước từ Bộ Tài nguyên và Môi trường. Mặt khác, luật pháp Việt Nam vẫn còn trong quy trình cải tiến, thời gian thay đổi nhanh để tránh những rủi ro pháp luật, Công ty liên tục cập nhật kiến thức pháp luật mới, xây dựng quy định phù hợp với pháp luật,..



Rủi ro khác

Ngoài những nhân tố đã kể trên, còn có rất nhiều những vấn đề liên quan đến chính trị, xã hội, dân số, thiên tai, dịch bệnh,... có thể tác động gián tiếp và trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Do đó, Công ty có những phương án để phòng ngừa nhằm giảm thiểu thiệt hại về người và tài sản khi có vấn đề xảy ra.





CHƯƠNG II

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- Tình hình sản xuất kinh doanh
- Tổ chức và nhân sự
- Chính sách đối với người lao động, cán bộ và công nhân viên
- Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án
- Tình hình tài chính
- Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- Báo cáo phát triển bền vững





TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH

Tỉnh Đồng Nai với lợi thế tập trung nhiều khu công nghiệp, thu hút được nhiều lực lượng lao động dẫn đến việc gia tăng nhu cầu sử dụng nguồn nước sạch. Trước những yêu cầu đó, Công ty luôn nắm bắt tình hình kịp thời, đưa ra định hướng phát triển, chính sách quản trị để phục vụ đầy đủ nhu cầu cho người dân cũng như tối ưu hoá lợi nhuận. Nhờ đó Công ty đã đạt được kết quả như sau:

Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2018	TH 2019	So cùng kì
Sản lượng				
Sản xuất nước sạch	m3	4.829.408	5.119.832	106,01%
Sản xuất nước thô	m3	420.413	358.268	85,22%
Tiêu thụ nước sạch	m3	3.951.826	4.197.206	106,21%
Tiêu thụ nước thô	m3	408.239	346.972	84,99%
Tỷ lệ thất thoát nước				
Nước sạch	%	18,17	18	96,25%
Nước thô	%	2,90	3,15	108,62%
Tổng doanh thu	Triệu đồng	124.508	64.018	51,42%
Tổng chi phí	Triệu đồng	111.011	56.107	50,54%
Tổng LN trước thuế	Triệu đồng	13.498	7.911	58,61%
Tổng LN sau thuế	Triệu đồng	10.754	6.725	62,53%

Cơ cấu doanh thu

ĐVT: đồng

Khoản mục	2018		2019	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Doanh thu thuần từ hoạt động xây lắp	90.493.334.711	72,68	28.039.633.361	44,16
Doanh thu từ hoạt động cấp nước	33.867.802.393	27,20	35.412.342.550	55,77
Doanh thu khác	147.314.928	0,12	45.808.975	0,07
Tổng cộng	124.508.452.032	100	63.497.784.886	100

Hoạt động xây lắp

Hoạt động xây lắp là lĩnh vực chiếm tỷ trọng cao nhất của Công ty trong nhiều năm qua. Tuy nhiên, doanh thu từ hoạt động xây lắp trong năm 2019 giảm mạnh và chỉ đạt 31% so với cùng kỳ, dẫn đến tổng doanh thu giảm gần 50% so với năm 2018 dẫn tới tỷ trọng của hoạt động xây lắp xuống còn 44,16%. Phần lớn các dự án thi công xây lắp của Công ty đều từ Công ty cổ phần Cấp nước Đồng Nai (Dowaco). Trong năm, Dowaco thay đổi chính sách quản lý, kiểm soát chi phí, hạn chế dịch vụ thuê ngoài nên các công tác lắp đặt, sửa chữa hệ thống cấp nước đều do Dowaco tự làm. Từ đó ảnh hưởng không nhỏ đến doanh thu và lợi nhuận Công ty.

Hoạt động cấp nước

Doanh thu từ hoạt động cấp nước tăng nhẹ 1,54 tỷ đồng, tỷ trọng năm 2019 đạt 55,77%, cao hơn con số 27,2% của năm 2018. Ngoài trừ việc hoạt động chính nhiều năm có sự sụt giảm đáng kể, Công ty cũng tăng sản lượng cung cấp nước đến 04 phường xã: Hóa An, Tân Hạnh, Bửu Hòa, Tân Vạn do nhu cầu sử dụng nước ngày càng tăng. Đây cũng hoạt động có doanh thu ổn định, thường xuyên của Công ty.

Cơ cấu lợi nhuận

ĐVT: đồng

Khoản mục	2018		2019	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Lợi nhuận gộp từ hoạt động xây lắp	21.378.837.113	67,82	4.293.856.764	22,64
Lợi nhuận gộp từ hoạt động cấp nước	10.144.721.610	32,18	14.630.710.039	77,13
Lợi nhuận khác	480.240	0,0015	43.576.889	0,23
Tổng cộng	31.524.038.963	100	18.968.143.962	100



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Danh sách thành viên

Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú	Tỷ lệ sở hữu cổ phần tại DVV
Hội đồng quản trị			
Nguyễn Cao Hà	Chủ tịch	Thành viên không điều hành	- Sở hữu cá nhân: 0 CP, tỷ lệ 0%; - Sở hữu đại diện: 515.900 CP tỷ lệ 22%.
Đặng Trọng Thành	Thành viên	Thành viên không điều hành	- Sở hữu cá nhân: 29.400 CP tỷ lệ 5,95%; - Sở hữu đại diện: 0 CP tỷ lệ 0%
Trần Chiến Thắng	Thành viên	Thành viên điều hành	- Sở hữu cá nhân: 139.664 CP, tỷ lệ 5,95%; - Sở hữu đại diện: 328.300 CP tỷ lệ 14%
Ban Giám đốc			
Phạm Ngọc Tú	Giám đốc	Thành viên điều hành	- Sở hữu cá nhân: 31.124 CP, tỷ lệ 1,33% - Sở hữu đại diện: 0 CP tỷ lệ 0%
Trần Chiến Thắng	Phó Giám đốc	Thành viên điều hành	- Sở hữu cá nhân: 139.664 CP, tỷ lệ 5,95%; - Sở hữu đại diện: 328.300 CP tỷ lệ 14%
Phan Bình	Phó Giám đốc	Thành viên điều hành	-Sở hữu cá nhân 3.213 CP, tỷ lệ: 0,14%; -Sở hữu đại diện: 0 CP, tỷ lệ 0%
Lê Chí Nguyên Thăng	Kế toán trưởng	Thành viên điều hành	-Sở hữu cá nhân: 23.336 CP, tỷ lệ: 0,99%; -Sở hữu đại diện: 0 CP, tỷ lệ 0%
Ban Kiểm soát			
Đỗ Thị Thuý Hằng	Trưởng ban	Chuyên trách	- Sở hữu cá nhân: 0 CP tỷ lệ 0%; - Sở hữu đại diện: 0 CP, tỷ lệ 0%
Đặng Thị Thắm	Thành viên	Không chuyên trách	- Sở hữu cá nhân: 0 CP tỷ lệ 0%; - Sở hữu đại diện: 0 CP, tỷ lệ 0%
Ngô Thị Đài Trang	Thành viên	Không chuyên trách	- Sở hữu cá nhân: 0 CP tỷ lệ 0%; - Sở hữu đại diện: 0 CP, tỷ lệ 0%

Sơ yếu lý lịch

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Cao Hà- Chủ tịch HĐQT		
Ngày sinh	15/10/1971	
Quốc tịch	Việt Nam	
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ kinh tế	
Số lượng cổ phiếu	Đại diện sở hữu: 515.900 cổ phần, chiếm 22% vốn điều lệ	
Tóm tắt quá trình công tác		
Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 1988 đến 1998	Xí nghiệp gạch ngói 3/2, Tân Vạn Biên Hoà, Đồng Nai	Quản đốc Xí nghiệp
Từ 1998 đến 2003	Quỹ tín dụng Tư chi nhánh Đồng Nai	
Từ 2003 đến 06/2007	Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch	Nhân viên phòng tài chính kế toán
Từ 07/2007 đến 07/2010	Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch	Kế toán trưởng
Từ 07/2010 đến 10/2013	Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	Phó phòng Tài chính kế toán
Từ 10/2013 đến nay	Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ
Từ 04/2015 đến 04/2018	Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch	Chủ tịch HĐQT
Từ 04/2018 đến nay	Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	Chủ tịch HĐQT

Ông Đặng Trọng Thành- Thành viên HĐQT		
Ngày sinh	20/04/1954	
Quốc tịch	Việt Nam	
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Tài chính Kế toán	
Số lượng cổ phần	Cá nhân sở hữu: 29.400 cổ phần, chiếm 1,25% vốn điều lệ	
Quá trình công tác		
Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 12/1976 đến 05/1981	Sở Tài chính Tỉnh Đồng Nai	Trưởng phòng tài chính
Từ 6/1981 đến 06/1989	Xây dựng giao thông thuộc Sở Tài chính Đồng Nai	Trưởng phòng tài chính
Từ 07/1989 đến 04/1990	Chi cục Thuế Quốc Doanh và quản lý tài chính xí nghiệp tỉnh Đồng Nai	Trưởng phòng tài chính
Từ 05/1990 đến 07/2001	Công ty Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	Phó Giám đốc
Từ 08/2001 đến 03/2014	Công ty TNHH một thành viên Cấp nước Đồng Nai	Giám đốc
Từ 04/2014 đến nay	Công ty CP Dịch vụ và Xây Dựng Cấp Nước Đồng Nai	Thành viên Hội đồng quản trị



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Sơ yếu lý lịch

Hội đồng quản trị

Ông Trần Chiến Thắng- Thành viên HĐQT- Phó Giám đốc		
Ngày sinh	19/05/1975	
Quốc tịch	Việt Nam	
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư cấp thoát nước	
Số lượng cổ phần	<ul style="list-style-type: none"> - Sở hữu cá nhân: 139.664 cổ phần, chiếm 5,96% vốn điều lệ - Sở hữu đại diện: 328.300 cổ phần, chiếm 14,00% vốn điều lệ 	
Tóm tắt quá trình công tác		
Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 2002 đến 2007	Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	Phòng Kỹ thuật
Từ 01/2018 đến nay	Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	Thành viên HĐQT
Từ 03/2018 đến nay	Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	Phó giám đốc

Ban Giám đốc

Ông Phạm Ngọc Tú – Giám đốc		
Ngày sinh	17/10/1984	
Quốc tịch	Việt Nam	
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư xây dựng	
Số lượng cổ phần	Sở hữu cá nhân: 31.124 cổ phần, chiếm 1,33% vốn điều lệ	
Tóm tắt quá trình công tác		
Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 08/2006 đến 08/2007	Công ty TNHH ViRan	
Từ 09/2007 đến 08/2009	Công ty CP Đầu tư và xây dựng cấp thoát nước (Waseco)	
Từ 03/2015 đến 03/2019	Công ty CP Dịch vụ và Xây dựng cấp nước Đồng Nai	Phó phòng Kỹ thuật
Từ 03/2019 đến 06/2019	Công ty CP Dịch vụ và Xây dựng cấp nước Đồng Nai	Trưởng phòng Kỹ thuật
Từ 07/2019 đến nay	Công ty CP Dịch vụ và Xây dựng cấp nước Đồng Nai	Giám đốc Công ty

Ông Phan Bình – Phó Giám đốc

Ngày sinh	30/10/1978
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Cấp thoát nước
Số lượng cổ phần	Sở hữu cá nhân: 3.213 cổ phần, chiếm 0,14% vốn điều lệ

Tóm tắt quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 01/1997 đến 01/2008	Công ty TNHH MTV Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	
Từ 02/2008 đến 2014	Công ty CP Dịch vụ và Xây Dựng Cấp Nước Đồng Nai	Trưởng Phòng Kỹ thuật
Từ 2014 đến nay	Công ty CP Dịch vụ và Xây Dựng Cấp Nước Đồng Nai	Phó Giám đốc Công ty

Ông Lê Chí Nguyên Thăng – Kế toán trưởng

Ngày sinh	16/05/1975
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ Quản lý Kinh tế; Cử nhân Kế toán, Kiểm toán
Số lượng cổ phần	Sở hữu cá nhân: 23.336 CP, tỷ lệ: 0,99% vốn điều lệ

Tóm tắt quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 01/1999 đến 10/2004	Công ty Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	
Từ 11/2004 đến 02/2008	Xí nghiệp Thiết kế Xây Dựng Công ty Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	
Từ 03/2008 đến nay	Công ty CP Dịch vụ và Xây Dựng Cấp Nước Đồng Nai	Kế toán trưởng Công ty

Ban Kiểm soát**Bà Đỗ Thị Thuý Hằng- Trưởng Ban Kiểm soát**

Ngày sinh	12/05/1965
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Tài chính- kế toán
Số lượng cổ phần	0 cổ phần

Tóm tắt quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 07/1990 đến 04/2013	Công ty TNHH MTV XD cấp nước Đồng Nai	Chuyên viên Phòng Tài chính Kế toán
Từ 10/2013 đến 04/2016	Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	Chuyên viên Ban Kiểm toán nội bộ
Từ 01/2008 đến nay	Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	Trưởng Ban Kiểm soát



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Sơ yếu lý lịch

Bà Ngô Thị Đài Trang- Thành viên Ban Kiểm soát		
Ngày sinh	20/09/1975	
Quốc tịch	Việt Nam	
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Tài chính Kế toán	
Số lượng cổ phần	0 cổ phần	
Tóm tắt quá trình công tác		
Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 2000 đến 01/2018	Công ty TNHH thương mại N.T.P	Kế toán trưởng
Từ 01/2008 đến nay	Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	Thành viên Ban Kiểm soát

Bà Đặng Thị Thắm - Thành viên Ban Kiểm soát		
Ngày sinh	14/07/1974	
Quốc tịch	Việt Nam	
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Tài chính Kế toán	
Số lượng cổ phần	0 cổ phần	
Tóm tắt quá trình công tác		
Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 02/1995 đến nay	Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	Nhân viên
Từ 04/2018 đến nay	Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	Thành viên Ban Kiểm soát

Những thay đổi nhân sự trong năm 2019

Ông Phạm Văn Hội không còn đảm nhận chức vụ Giám đốc Công ty kể từ ngày 08/07/2019 (theo Quyết định số 11/QĐ-HĐQT ngày 08/7/2019).

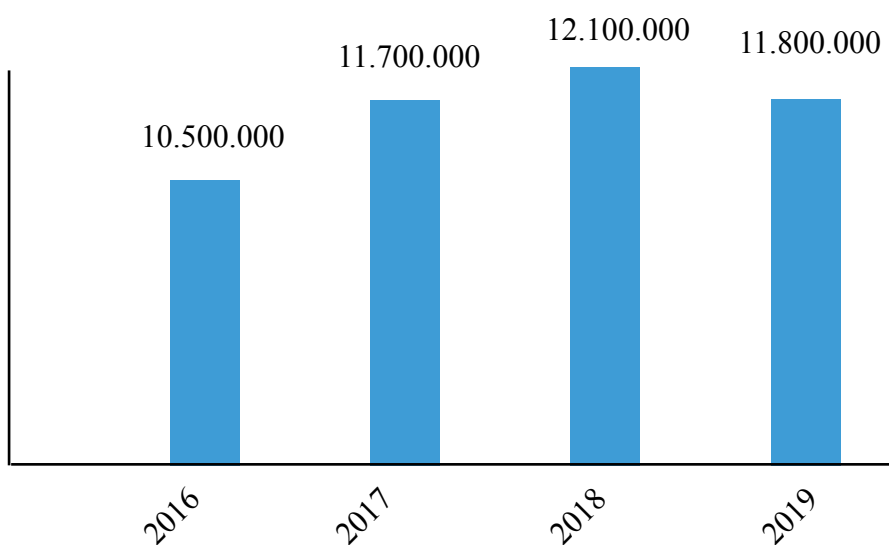
Ông Phạm Ngọc Tú được bổ nhiệm chức vụ Giám đốc Công ty, thay thế ông Phạm Văn Hội kể từ ngày 08/07/2019 đến hết nhiệm kỳ 2018-2023 của Hội đồng quản trị (theo Quyết định số 12/QĐ-HĐQT ngày 08/7/2019).

Số lượng cán bộ nhân viên

STT	Tính chất phân loại	Số lượng	Tỷ lệ
A	Theo trình độ	113	100%
1	Trên Đại học	1	0,88%
2	Đại học	45	39,82%
3	Cao đẳng	6	5,31%
4	Khác	61	53,98%
B	Theo tính chất hợp đồng lao động	113	100%
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	1	0,88%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	112	99,12%
3	Hợp đồng theo thời vụ (công nhật)	0	0%

Thu nhập bình quân của người lao động qua các năm

Đơn vị tính: đồng/tháng/người





CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG, CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN

Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

Chính sách lương

- Công ty thực hiện phân phối lương theo tính chất và trách nhiệm của người lao động, Quỹ tiền lương được phân phối trực tiếp cho người lao động, không sử dụng vào mục đích khác. Trường hợp người lao động làm thêm giờ hoặc làm đêm, Công ty thực hiện việc chi trả phụ cấp làm đêm và lương ngoài giờ theo đúng quy định của Bộ luật Lao động đã ban hành.
- Công ty xây dựng chính sách lương riêng phù hợp với đặc trưng ngành nghề hoạt động và bảo đảm cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước, phù hợp với trình độ, năng lực và công việc của từng người. Cán bộ công nhân viên thuộc khối văn phòng và gián tiếp được hưởng lương thời gian, công nhân sản xuất trực tiếp được hưởng lương theo cấp bậc và tay nghề.



Chính sách khen thưởng

- Hàng tháng, người lao động được đánh giá, phân loại để làm cơ sở cho việc trả lương và khen thưởng cho người lao động vào cuối năm. Ngoài ra, Công ty thưởng cho người lao động nhân dịp các ngày Lễ lớn như: Tết nguyên đán, Tết Dương lịch, Lễ 30/04 và Quốc tế lao động 01/05, Lễ Quốc khánh 2/9, thưởng lương tháng 13, 14 vào cuối năm cho người lao động.
- Chính sách thưởng: Nhằm khuyến khích động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp, Công ty có chính sách thưởng hàng kỳ, hàng năm, thưởng đột xuất cho cá nhân và tập thể.

Bảo hiểm và phúc lợi người lao động

- Người lao động là lực lượng tham gia trực tiếp vào hoạt động phát triển của doanh nghiệp. Do đó việc đảm bảo quyền lợi người lao động luôn là nhiệm vụ, nghĩa vụ của Công ty thông qua việc đóng đầy đủ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho tất cả người lao động.
- Ngoài ra, Công ty còn tham gia bảo hiểm tai nạn cho người lao động. Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp được Công ty trích nộp đúng theo quy định của pháp luật.

Chính sách đào tạo

Vì hoạt động của Công ty liên quan nhiều đến công nghệ, kỹ thuật nên Công ty dành nhiều quan tâm cho việc đào tạo chuyên môn, nâng cao tay nghề, đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh cho người lao động. Bên cạnh đó, với các cán bộ, nhân viên, Công ty tập trung phát triển nghiệp vụ chuyên môn, đào tạo nhân viên mới, nâng cao khả năng quản lý và quản trị cho Công ty.



Chính sách cổ tức

Để củng cố niềm tin, đảm bảo lợi ích cho cổ đông nên khi kết thúc kì niên độ, Công ty đã phân chia lợi nhuận dựa trên lợi nhuận sau thuế, thực hiện các nghĩa vụ tài chính theo quy định của Nhà nước. Trong những năm qua, Công ty đã trả cổ tức như sau:

STT	Năm	Tỷ lệ chi trả cổ tức	Hình thức chi trả
1	2013	15%	Bằng tiền
2	2014	20%	Bằng tiền
3	2015	30%	Bằng tiền
4	2016	30%	Bằng tiền
5	2017	30%	Bằng tiền
6	2018	25%	Bằng tiền
7	2019 (dự kiến)	20%	Bằng tiền





TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Dự án Nhà máy nước Hoà An

Nhà máy nước Hóa An 15.000 m³/ngày đêm hoạt động gần hết công suất, nhất là trong những thời gian cao điểm. Do vậy, Hội đồng quản trị Công ty đã có kế hoạch đầu tư, cải tạo nâng công suất Nhà máy nước Hóa An nhằm đáp ứng nhu cầu cấp nước ngày càng tăng của Công ty.

Hiện nay, Hội đồng quản trị đã lập phương án và kế hoạch đầu tư, cải tạo nâng công suất của nhà máy nước Hóa An. Chuẩn bị tiến hành các thủ tục hồ sơ pháp lý, hồ sơ kỹ thuật và các công việc cần thiết của giai đoạn đầu Dự án cải tạo, nâng công suất nhà máy từ 15.000m³/ ngày đêm lên thành 30.000 m³/ngày đêm. Bao gồm :

- Nâng công suất Trạm bơm nước thô từ 15.000m³/ngày đêm lên thành 30.000m³/ngày đêm.
- Nâng công suất Tuyến ống truyền tải nước thô từ 15.000m³/ngày đêm lên thành 30.000m³/ngày đêm.







TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình hoạt động kinh doanh

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	Triệu đồng	85.843	77.940	-9,21%
Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	43.250	41.949	-3,01%
Doanh thu thuần	Triệu đồng	124.361	63.448	-48,98%
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	Triệu đồng	13.497	7.868	-41,71%
Lợi nhuận khác	Triệu đồng	0.48	44	9207,98%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	13.498	7.911	-41,391%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	10.754	6.725	-37,47%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng	4.493	2.380	-47,02%



Chỉ số tài chính

STT	Chỉ tiêu tài chính	ĐVT	2018	2019
I	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,68	1,88
2	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,67	1,82
II	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
1	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	49,62	46,18
2	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	98,48	85,80
III	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
1	Vòng quay Hàng tồn kho	Vòng	17,61	56,83
2	Doanh thu thuần/Tổng tài sản (bình quân)	Vòng	1,25	0,77
IV	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
1	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	10,6	8,65
2	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (bình quân)	%	25,78	15,79
3	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (bình quân)	%	10,85	8,21
4	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	10,85	12,40



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ số tài chính

Về khả năng thanh toán

Hệ số thanh toán ngắn hạn, hệ số thanh toán nhanh lần lượt là 1,88 và 1,82. Các chỉ số trên đều tăng nhẹ so với năm 2018. Bên cạnh đó, các chỉ số thanh toán đều lớn hơn một chứng tỏ việc chi trả cho các khoản nợ luôn được đảm bảo.

Về cơ cấu vốn

Cơ cấu nợ năm 2019 của Công ty giảm nhẹ so với năm 2018, trong đó tổng nợ chiếm 46,18% trên tổng tài sản và 85,80% trên vốn chủ sở hữu. Năm 2019, nợ phải trả giảm 6,6 tỷ so với năm 2018 do Công ty đã thanh toán một phần khoản vay dài hạn cho Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Đồng Nai. Công ty giảm vay nợ và sử dụng vốn tự có phục vụ hoạt động kinh doanh, nhằm giảm chi phí lãi vay cho Công ty.

Về năng lực hoạt động

Vòng quay hàng tồn kho trong năm 2019 có sự chuyển biến tốt hơn so với năm 2018. Nguyên nhân chính là do hàng tồn kho bình quân giảm. Hàng tồn kho chủ yếu đến từ hoạt động xây lắp nhưng hiện nay Công ty dần tập trung hơn vào mảng hoạt động cấp nước.

Về khả năng sinh lời:

Trong năm 2019, khả năng sinh lời của Công ty giảm do Công ty đang trong thời gian đầu chuyển đổi chính sách hoạt động sang lĩnh vực cấp nước nên ảnh hưởng phần nào đến khả năng sinh lời của Công ty.





CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN CỦA CHỦ SỞ HỮU

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông Nhà nước	537.803	5.378.030.000	22,93%
II	Cổ đông nội bộ	276.092	2.760.920.000	11,77%
III	Cổ đông trong nước	2.344.960	23.449.600.000	99,99%
1	Cá nhân	1.253.095	12.530.950.000	53,44%
2	Tổ chức	1.091.865	10.918.650.000	46,56%
IV	Cổ đông nước ngoài	40	400.000	0.0017%
1	Cá nhân	0	0	0%
2	Tổ chức	40	400.000	0,0017%
Tổng cộng		2.345.000	23.450.000.000	100%





BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Trách nhiệm với cộng đồng

Trong năm 2019, Công ty đã tham gia các hoạt động cộng đồng và công tác xã hội, công tác từ thiện, đóng góp: Quỹ đền ơn đáp nghĩa, Quỹ Vì người nghèo, Quỹ học giỏi- sống tốt, ủng hộ đồng bào bị thiên tai lũ lụt, Quỹ vì người nghèo... Đóng góp cho các chương trình an sinh xã hội của Chính phủ.



Trách nhiệm với môi trường

Vì hoạt động trong lĩnh vực công ích nên trách nhiệm với môi trường luôn được Công ty ưu tiên hàng đầu. Ý thức được điều đó, Công ty luôn kiểm tra quy trình vận hành của nhà máy xử lý nước để đảm bảo nguồn nước sạch, tránh gây lãng phí.

Mặt khác, Công ty thường xuyên cải tạo, nâng cao hệ thống vận hành của nhà máy để tránh hư hỏng, đảm bảo an toàn.

Trách nhiệm với người lao động

Để đảm bảo lợi ích người lao động, Công ty có chương trình kiểm tra sức khỏe định kỳ; thường nâng cao kỹ thuật lao động; nâng cao độ bảo hộ, dụng cụ lao động để đảm bảo an toàn khi làm việc. Cụ thể:

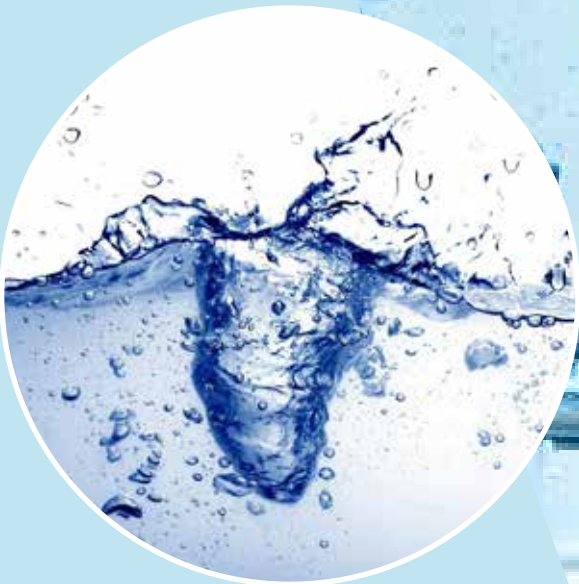
- Quản lý, chăm lo và bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của CNVC-LĐ;
- Quan tâm chăm lo đời sống vật chất và tinh thần đối với CB.CNV;
- Thực hiện tốt công tác an toàn vệ sinh lao động và BHLĐ .



Đánh giá của Công ty liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty đã thực hiện:

- Công ty rất xem trọng yếu tố môi trường trong quá trình sản xuất, luôn ý thức được trách nhiệm đối với môi trường thông qua công tác: kiểm tra chất lượng nước, bảo quản nguyên liệu, hóa chất xử lý nước, bảo vệ nguồn nước;...
- Đồng thời kiểm soát chặt chẽ quy trình sản xuất (từ hệ thống bơm nước thô đến hệ thống xử lý, hệ thống phân phối chuyển tải...) để giảm thiểu những rủi ro có thể gây ra ô nhiễm đối với môi trường và xã hội;
- Công ty có sự kiểm soát, đánh giá tác động của hoạt động sản xuất đến môi trường nhằm có những biện pháp kiểm soát, sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên nước tại khu vực khai thác và tại khu xử lý;
- Hệ thống công nghệ xử lý được bảo trì, bảo dưỡng định kỳ, đảm bảo duy trì trạng thái hoạt động của máy móc ở mức tốt nhất để ổn định sản lượng nước sản xuất và bơm ra lưới;
- Quản lý chất lượng nước đạt tiêu chuẩn quy định. Định kỳ hàng tháng, Trung tâm y tế dự phòng Đồng Nai xuống lấy mẫu và tiến hành kiểm tra chất lượng nước theo các chỉ tiêu lý, hóa và vi sinh. Chất lượng nước thành phẩm của Công ty luôn đạt các tiêu chuẩn của Bộ y tế;
- Thực hiện đúng các quy định về khai thác, xử lý, xả thải, bảo vệ môi trường...Chú trọng các biện pháp nhằm hạn chế gây ô nhiễm môi trường từ hoạt động sản xuất nước và hoạt động thi công xây lắp. Công ty chưa từng bị xử phạt do không tuân thủ các quy định về môi trường;
- Năng lượng chủ yếu phục vụ cho hoạt động sản xuất và phân phối nước sạch là điện. Việc tiêu thụ năng lượng điện có tác động trực tiếp đến chi phí sản xuất. Vì vậy, khi xây dựng kế hoạch hoạt động kinh doanh, Công ty có phương án sử dụng tiết kiệm và hợp lý các nguồn năng lượng, góp phần vào việc sử dụng có hiệu quả tài nguyên nước và giảm thiểu chi phí hoạt động.





CHƯƠNG III

ĐÁNH GIÁ VÀ BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tình hình tài chính
- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý
- Kế hoạch phát triển tương lai
- Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội





ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Trong năm 2019, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh có dấu hiệu suy giảm, chủ yếu ở mảng hoạt động truyền thống là thi công xây lắp. Các dự án, công trình xây lắp nhận từ Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai bị hạn hẹp do chính sách hạn chế thuê ngoài. Do đó, sản lượng lắp đặt nhận được từ Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai năm 2019 chỉ bằng 17,7% so với năm 2018, theo đó doanh thu xây lắp chỉ bằng 31% năm 2018, lợi nhuận thực hiện bằng 58,6% năm 2018.

Mặt khác, lĩnh vực sản xuất và cung cấp nước sạch là nguồn doanh thu ổn định và tăng trưởng của Công ty do nhu cầu sử dụng nước sạch ngày một gia tăng. Hiện nay Công ty đang cung cấp nước sạch trên địa bàn 4 phường xã: Hóa An, Tân Hạnh, Bửu Hòa, Tân Vạn.

Để hoàn thành chỉ tiêu của Đại hội đồng cổ đông đề ra từ đầu năm, Ban lãnh đạo cùng toàn thể Công ty đã không ngừng nỗ lực và đạt được những kết quả đáng khích lệ sau:

- Doanh thu xây lắp đạt 103,8% so với kế hoạch năm và 31% so với cùng kỳ.
- Doanh thu tiền nước đạt 103% so với kế hoạch năm và 104,5% so với cùng kỳ.
- Lợi nhuận trước thuế đạt 126,6% so với kế hoạch năm và 58,6% so với cùng kỳ.
- Lợi nhuận sau thuế đạt 134,5% so với kế hoạch năm và 62,54% so với cùng kỳ.
- Nộp Ngân sách đạt 158,7% so với kế hoạch năm.

Nguyên nhân đạt được kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019

Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai có năng lực sản xuất tương đối tốt và ngày càng được hoàn thiện. Trong quá trình hình thành và phát triển, Công ty không ngừng học hỏi và mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty ngày càng khẳng định năng lực của mình trong lĩnh vực hoạt động cung cấp dịch vụ ngành nước.

Công ty đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm trong hoạt động cấp nước như: xây dựng công trình đường ống cấp thoát nước, cung cấp vật tư thiết bị và thi công xây dựng công trình; lắp đặt ống cấp nước, thoát nước, lắp đặt bơm; thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp, công trình cấp nước, xây dựng và hoàn thiện các công trình cấp nước; giám sát thi công công trình, giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình; sản xuất kinh doanh nước sạch. Sản xuất sản phẩm kim loại ngành xây dựng...

Hoạt động xây lắp là ngành nghề truyền thống của Công ty từ khi mới thành lập đến nay, là hoạt động kinh doanh chính và cũng là thế mạnh của Công ty vì Công ty đã có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực này.

Công ty được hỗ trợ nhiều từ Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai trong hoạt động thi công xây lắp, là một thuận lợi rất lớn giúp Công ty ổn định và đẩy mạnh phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh với các doanh nghiệp khác. Trong những năm qua, doanh thu Công ty luôn tăng trưởng ổn định nhờ vào hoạt động xây lắp, chủ yếu là các công trình lắp đặt hệ thống nước nhận từ Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai.

Từ tháng 8/2016, Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai Công ty đã chuyển giao hệ thống phân phối cấp nước của 04 phường xã: Hóa An, Tân Hạnh, Bửu Hòa, Tân Vạn để cho Công ty độc lập vận hành và quản lý. Nhờ đó đã góp phần tăng thêm doanh thu, lợi nhuận cho Công ty từ hoạt động sản xuất và cung cấp nước.

Hoạt động sản xuất và cung cấp nước sạch rất có triển vọng vì thị trường đối với dịch vụ cấp nước ngày một tăng. Cùng với tốc độ phát triển dân cư, nhu cầu sử dụng nước sạch và sản lượng cung cấp nước sạch trên địa bàn 4 phường xã: Hóa An, Tân Hạnh, Bửu Hòa, Tân Vạn ngày càng cao. Công ty đã có kế hoạch đầu tư mở rộng, cải tạo nâng công suất nhà máy nước Hóa An, mở rộng mạng lưới cấp nước, đầu tư thiết bị để gia tăng sản lượng nước tiêu thụ.

Công ty nhận được sự quan tâm, hỗ trợ của Tổng Công ty Sonadezi, Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai, các Sở, ban, ngành, cơ quan trong tỉnh đã tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty thực hiện và hoàn thành tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh được cấp trên giao cho Công ty.

Đảng ủy, Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty, các tổ chức đoàn thể quần chúng, cùng tập thể cán bộ công nhân viên, người lao động trong Công ty luôn đoàn kết, nỗ lực và gắn kết trong lao động sản xuất. Lực lượng lao động dồi dào, đội ngũ cán bộ công nhân viên có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, có tinh thần trách nhiệm và tự giác cao. Ban lãnh đạo Công ty có năng lực, kinh nghiệm nhiều năm trong ngành, có tâm huyết và trách nhiệm với công việc, luôn nhất trí trong công tác lãnh đạo và điều hành sản xuất kinh doanh.

Ngoài các ưu thế và thuận lợi nói trên, để đạt được các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2019, Công ty còn thực hiện đồng bộ các giải pháp như: giải pháp về điều hành sản xuất kinh doanh, giải pháp về tài chính, giải pháp về nguồn nhân lực, giải pháp về khai thác thị trường, giải pháp về công nghệ v.v., đồng thời không ngừng học tập kinh nghiệm từ Công ty Dowaco và các công ty cùng ngành để nâng cao năng lực sản xuất và hiệu quả kinh doanh.



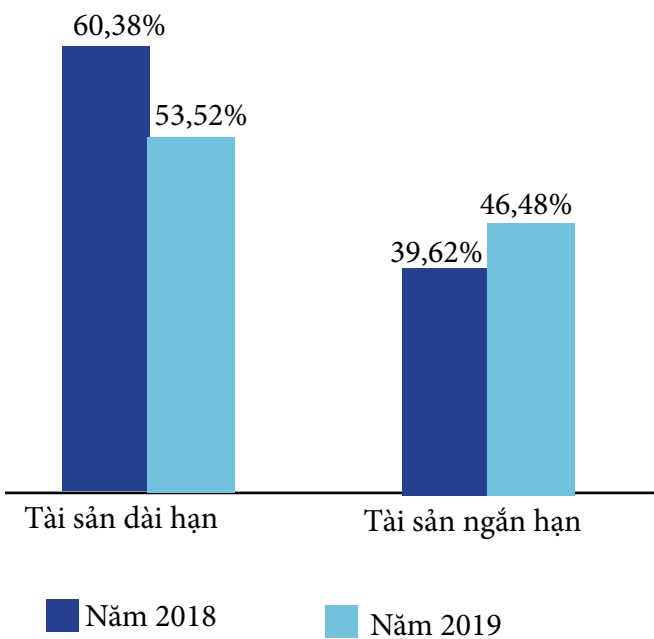


TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Cơ cấu tài sản

ĐVT: triệu đồng

Khoản mục	Năm 2018		Năm 2019	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Tài sản dài hạn	51.831	60,38	41.715	53,52
Tài sản ngắn hạn	34.011	39,62	36.225	46,48
Tổng tài sản	85.843	100	77.940	100



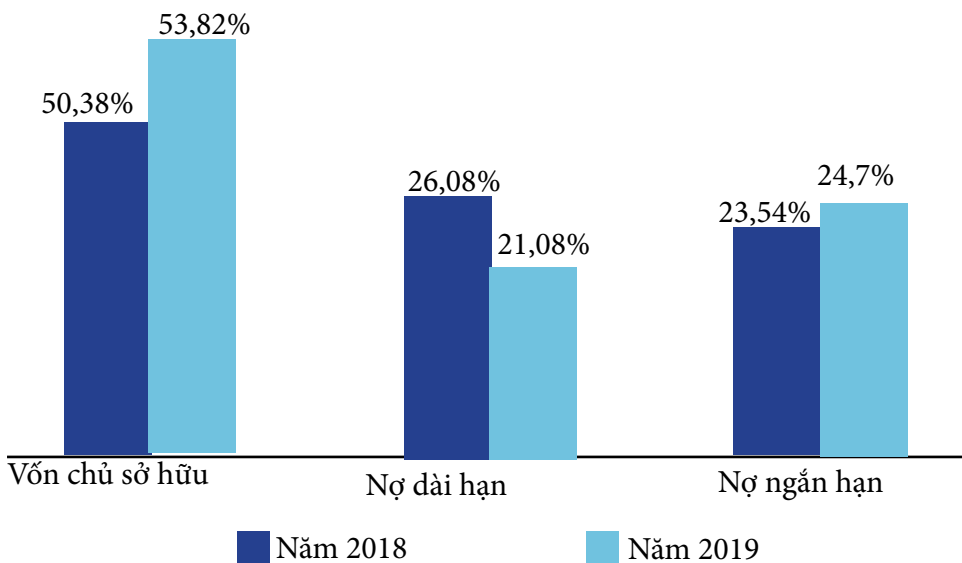
Về tài sản: Tổng tài sản Công ty năm 2019 giảm 7,9 tỷ đồng so với năm 2018. Nhưng các khoản phải thu ngắn hạn của Công ty giảm xuống 10,49 tỷ đồng chứng tỏ khả năng thu hồi nợ của Công ty khá tốt, tránh tình trạng khách hàng chiếm dụng vốn.



Cơ cấu nguồn vốn

ĐVT: triệu đồng

Khoản mục	Năm 2018		Năm 2019	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Nợ ngắn hạn	20.209	23,54	19.250	24,7
Nợ dài hạn	22.384	26,08	16.741	21,48
Vốn chủ sở hữu	43.250	50,38	41.949	53,82
Tổng nguồn vốn	85.843	100	77.940	100



Về nguồn vốn: Nhìn chung, nguồn vốn năm 2019 giảm. Nguyên nhân là do Công ty đã thay đổi chính sách quản lý, thu hồi công nợ, cân đối thanh toán, giảm được khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn, nhằm hạn chế các chi phí lãi vay làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty.





KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2020

Chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2020
1	Sản lượng		
	- Sản xuất nước sạch	m3	5.184.242
	- Sản xuất nước thô	m3	228.866
	- Tiêu thụ nước sạch	m3	4.277.000
	- Tiêu thụ nước thô	m3	222.000
2	Tỷ lệ thất thoát		
	- Nước sạch	%	17,5%
	- Nước thô	%	3%
3	Tổng Doanh thu		41.650.000.000
	- Doanh thu sản xuất nước sạch	đồng	34.500.000.000
	- Doanh thu sản xuất nước thô	đồng	1.000.000.000
	- Doanh thu xây lắp	đồng	6.000.000.000
	- Doanh thu hoạt động tài chính	đồng	150.000.000
4	Lợi nhuận trước thuế	đồng	4.800.000.000
5	Thuế Thu nhập doanh nghiệp	đồng	660.000.000
6	Lợi nhuận sau thuế	đồng	4.140.000.000
7	Tỷ lệ chia cổ tức trên vốn điều lệ	%	12%
8	Phát sinh nộp ngân sách nhà nước	đồng	3.000.000.000
9	Tổng vốn điều lệ	đồng	23.450.000.000
10	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Vốn điều lệ	%	20,47 %



Giải pháp thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020

Công tác thi công lắp đặt đường ống:

- Chủ động tìm kiếm, ký kết các hợp đồng xây lắp, các công trình thuộc lĩnh vực và chức năng hoạt động của Công ty. Nắm bắt thông tin để tham gia đấu thầu các công trình, các dự án có liên quan đến thi công hệ thống cấp nước, các công trình cấp nước sinh hoạt và công nghiệp của các khu dân cư và đô thị;
- Chú trọng công tác kỹ thuật đường ống, các biện pháp an toàn trong thi công; sử dụng các biện pháp kỹ thuật trong thi công để nâng cao chất lượng dịch vụ lắp đặt;
- Thường xuyên kiểm tra các định mức tiêu hao nguyên vật liệu, nhiên liệu, chi phí sử dụng máy thi công, chi phí nhân công thuê ngoài; quản lý chặt chẽ vật tư, thiết bị, công cụ lao động;
- Thực hiện quy trình công tác lắp đặt chặt chẽ, hợp lý, đảm bảo nhanh gọn và triển khai đồng bộ nhằm tiết kiệm thời gian và chi phí cho khách hàng, cải tiến các thủ tục hành chính cho phù hợp; phối hợp tốt với chính quyền địa phương để được hỗ trợ đáp ứng yêu cầu về xây dựng và thi công lắp đặt các công trình cấp nước.

Công tác sản xuất và cung cấp nước:

- Đầu tư mở rộng mạng lưới cấp nước các khu vực chưa có nước; tăng cường phát triển khách hàng, gia tăng sản lượng tiêu thụ nước;
- Nghiên cứu và học tập kinh nghiệm từ Công ty mẹ trong việc vận hành, quản lý hệ thống cấp nước (từ khâu sản xuất tại nhà máy, bơm nước ra mạng, bảo trì tuyến ống chuyển tải, khai thác và phân phối cấp nước, lắp đặt và ghi thu khách hàng, quản lý khách hàng, quản lý mạng;...
- Lập kế hoạch, phương án phân vùng tách mạng để kiểm soát và vận hành mạng lưới cấp nước hiện hữu; phấn đấu giảm tỷ lệ thất thoát nước năm 2020 xuống 17,5%;
- Khai thác tối đa công suất của nhà máy nước Hóa An 15.000m³/ngày trên các cơ sở thực hiện các giải pháp kỹ thuật về hệ thống bơm, hệ thống xử lý, hệ thống đường ống;
- Quản lý chặt chẽ hoạt động sản xuất của nhà máy xử lý nước: quản lý nguồn nguyên liệu đầu vào; công tác duy tu, bảo dưỡng định kỳ máy móc thiết bị; quản lý chất lượng nước; thực hiện các qui định về khai thác tài nguyên, xử lý, xả thải, bảo vệ môi trường;
- Chủ động phối hợp với các cơ quan liên quan trong việc bảo vệ, phòng ngừa các nguy cơ gây ô nhiễm nguồn nước, khu vực bảo vệ nguồn nước; khắc phục và xử lý kịp thời các sự cố, các vi phạm gây ô nhiễm nguồn nước tại vị trí thu nước của công trình cấp nước và các công trình thuộc hệ thống cấp nước;
- Có kế hoạch và triển khai phương án cải tạo Nhà máy nước Hóa An hiện hữu, nâng công suất nhà máy nước từ 15.000m³/ngày đêm lên 24.000m³/ngày đêm để đáp ứng nhu cầu cấp nước cho khách hàng trong tương lai.



Công tác ghi thu

- Cải tiến công tác ghi thu, công tác kiểm ghi, kiểm thu. Quản lý công tác ghi thu theo Quy trình ghi thu tiền nước đã ban hành và thực hiện;
- Tính toán giá nước hợp lý. Bộ phận xử lý, điều chỉnh chỉ số tiêu thụ nước và hóa đơn tiền nước theo đúng quy định; thực hiện theo dõi công nợ, theo dõi tình hình tiêu thụ nước của khách hàng; phấn đấu giảm tỷ lệ tồn thu xuống mức thấp nhất.
- Phát triển, mở rộng các kênh nhờ thu (qua ngân hàng, bưu điện, dịch vụ thanh toán điện tử..), các hình thức thu tiền nước không dùng tiền mặt, tạo thuận tiện cho khách hàng trong việc thanh toán tiền nước; hoàn thiện hình thức hóa đơn điện tử;
- Thường xuyên kiểm tra công tác ghi thu; phát hiện và chấn chỉnh kịp thời các hiện tượng tiêu cực; phát huy hiệu quả việc ghi chỉ số nước bằng Smartphone; hoàn thiện nghiệp vụ giao dịch khách hàng, nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng.



Giải pháp về tiết kiệm chi phí sản xuất

- Đầu tư đúng mục đích và yêu cầu đối với các tài sản cố định, máy thi công, máy móc thiết bị sản xuất và trang thiết bị quản lý để phục vụ hoạt động sản xuất;
- Kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng nguyên, nhiên vật liệu, chi phí sử dụng điện trong qui trình sản xuất nước tại nhà máy và trong công tác thi công lắp đặt;
- Vận hành và phân bổ bơm hợp lý để tiết kiệm điện năng; thay thế, trang bị các máy bơm và các thiết bị điện có công suất tiêu thụ điện hợp lý, hao tổn ít điện năng; lắp đặt tụ bù và các thiết bị chống sét đảm bảo tiết kiệm điện và an toàn thiết bị;
- Tích cực thực hiện các biện pháp phòng, chống thất thoát nước; tìm ra nguyên nhân để có biện pháp khắc phục và hạn chế tỷ lệ thất thoát;
- Thay thế, cải tạo các tuyến ống cấp nước bằng sắt tráng kẽm; sửa chữa, thay thế các đường ống cũ, lâu năm thường xuyên bị rò rỉ, xì, bể; lắp đặt biển tần và các thiết bị kiểm soát áp lực đường ống; đảm bảo chế độ bơm phù hợp, điều hòa áp lực nước bơm ra mạng;
- Tăng cường công tác quản lý đồng hồ nước; kiểm tra chống thất thoát qua đồng hồ khách hàng;
- Giám sát chặt chẽ các sự cố, thất thoát trên các tuyến ống cấp nước mà Công ty đang quản lý, vận hành và khai thác; tăng cường trách nhiệm đối với công tác trực sửa chữa đường ống, xử lý ống bể, đảm bảo phát hiện và sửa chữa nhanh chóng kịp thời các sự cố ống bể;
- Phát động phong trào thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tiết kiệm chi phí sản xuất; khuyến khích, khen thưởng cho các cá nhân, đơn vị có thành tích hoặc sáng kiến trong lao động sản xuất và phong trào thực hành tiết kiệm.



Giải pháp về quản trị kinh doanh

- Kiểm tra, giám sát các hoạt động của Công ty: tình hình sản xuất kinh doanh, tình hình đầu tư XDCB, đầu tư TSCĐ, việc chấp hành chế độ, chính sách Nhà nước, chính sách đối với người lao động, công tác quản trị doanh nghiệp; tăng cường chỉ đạo, giám sát mảng hoạt động xây lắp và hoạt động sản xuất nước;
- Ban hành Quy chế tài chính, Quy chế tiền lương, tiền thưởng, các Quy chế về quản trị nội bộ, Quy chế làm việc của các Phòng ban chức năng, đơn vị trực thuộc trong Công ty; giám sát việc thực hiện các quy chế này; tăng cường công tác giám sát và quản trị nội bộ;
- Thực hiện các nghĩa vụ của công ty đại chúng, quan hệ với cổ đông, các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán; cập nhật các quy định, quy chế về công bố thông tin và tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định.

Giải pháp về tài chính

- Quản lý chặt chẽ về nguồn vốn, chi phí, tài sản, công cụ, hàng hoá, nguyên vật liệu; theo dõi, phân tích tình hình sử dụng nguồn vốn, tình hình và năng lực tài chính của Công ty; huy động và sử dụng nguồn vốn, quản lý vốn có hiệu quả; tăng cường hiệu quả sử dụng vốn chủ sở hữu và vốn cổ đông Công ty;
- Tính toán, cân đối các khoản nợ và nguồn trả nợ, đảm bảo an toàn tài chính; tập trung tích lũy vốn để gia tăng tiềm lực tài chính; lấy nguồn thu từ khấu hao, lợi nhuận để đầu tư phát triển, mở rộng mạng lưới cấp nước, gia tăng sản lượng nước, đáp ứng đủ nhu cầu sử dụng nước sạch của khách hàng trong phạm vi cấp nước của Công ty;
- Tiết kiệm chi phí vốn bằng các biện pháp như: đầu tư từng giai đoạn, phân vùng cải tạo theo địa bàn khách hàng, vay vốn với lãi suất hỗ trợ cho các dự án.

Giải pháp về nguồn nhân lực

- Tổ chức, sắp xếp, bố trí lực lượng lao động sao cho phù hợp và hiệu quả; hoàn thiện cơ cấu tổ chức - nhân sự, công tác kế hoạch - kỹ thuật, công tác tài chính - kế toán; nâng cao trình độ công tác quản lý, trình độ chuyên môn cho các cán bộ nghiệp vụ và người lao động;
- Đánh giá năng lực cán bộ quản lý và nhân viên để kiện toàn bộ máy quản lý điều hành theo hướng gọn nhẹ, nhằm đảm bảo có đội ngũ cán bộ có đủ năng lực điều hành hoạt động kinh doanh của toàn Công ty. Trên cơ sở kết quả đánh giá, Công ty thực hiện công tác điều động, luân chuyển người lao động, cán bộ quản lý cho phù hợp với trình độ, tạo điều kiện phát huy hết năng lực cá nhân;
- Thường xuyên thiện công tác đào tạo nâng cao trình độ cho người lao động và cán bộ quản lý; chú trọng việc đào tạo, bồi dưỡng và tuyển dụng đội ngũ cán bộ công nhân viên có chuyên môn và có kinh nghiệm;
- Để người lao động yên tâm gắn bó lâu dài, Công ty có chế độ đãi ngộ phù hợp cho các cán bộ, công nhân viên, đặc biệt đối với CB.CNV có năng lực; đồng thời có cơ chế linh hoạt làm động lực cho CB.CNV rèn luyện phấn đấu vươn lên để trở thành những cán bộ chủ chốt của Công ty.



Giải pháp về thị trường

- Không ngừng cải tiến nâng cao chất lượng dịch vụ lắp đặt, sản phẩm, dịch vụ ngành nước; tiếp tục duy trì thực hiện hệ thống quản lý chất lượng máy móc, thiết bị, đường ống đảm bảo cung cấp nước sạch đạt chất lượng, để khẳng định uy tín Công ty, đáp ứng nhu cầu đa dạng các đối tượng khách hàng;
- Nghiên cứu, khảo sát, có kế hoạch và chiến lược phát triển khách hàng, gia tăng thị trường, mở rộng mạng lưới cấp nước.

Giải pháp về công nghệ

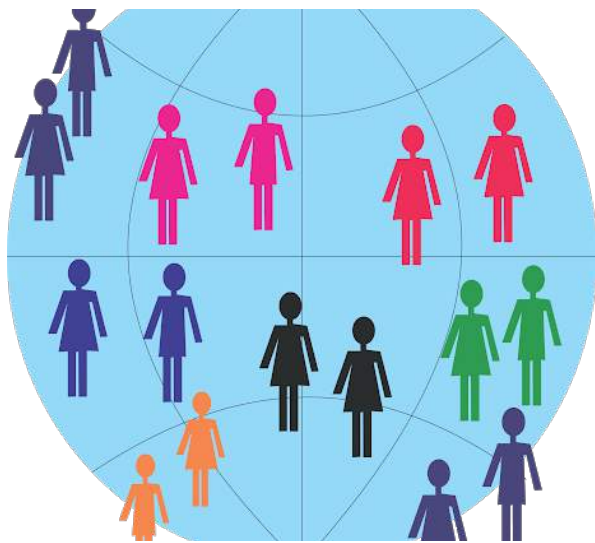
- Nâng cao trình độ quản lý hệ thống cấp nước, quản lý nhà máy nước, hệ thống mạng lưới phân phối, quản lý khách hàng, quản lý hiện trạng cấp nước bằng công nghệ thông tin và các ứng dụng kỹ thuật;
- Ứng dụng công nghệ thông tin làm nền tảng cho hệ thống quản lý, áp dụng phần mềm vào công tác quản lý nhân sự, quản lý công văn chứng từ, quản lý dự án, quản lý kế hoạch kỹ thuật, quản lý sản xuất, quản lý tài chính,....



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Đánh giá các đến các chỉ tiêu môi trường

Hoạt động trong ngành xây dựng thi công, xây lắp và cấp nước, nguồn nguyên liệu đầu vào chủ yếu của Công ty là tài nguyên nước. Ngoài ra, nguồn phụ liệu sử dụng trong việc xử lý nước thô là clo và vôi. Do đó Công ty luôn đặt vấn đề bảo vệ môi trường lên hàng đầu. Trong năm, Công ty thường xuyên kiểm tra chất lượng nước, hoá chất sử dụng để đưa ra những giải pháp để bảo vệ môi trường, sử dụng tài nguyên nước hợp lý. Bên cạnh đó, để tránh lãng phí điện làm tăng chi phí, Công ty đã kết hợp nhiều nguồn năng lượng khác; thực hiện tốt các biện pháp khai thác, xử lý chất thải nhằm bảo vệ môi trường nói chung và Công ty nói riêng.



Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Người lao động là nền tảng cốt lõi, là cơ sở để Công ty phát triển bền vững nên Công ty luôn chú trọng quan tâm đến quyền lợi của người lao động. Ngoài việc đưa ra các chính sách đào tạo nhằm nâng cao kỹ thuật, Công ty còn quan tâm đến đời sống và sức khỏe của người lao động thông qua việc thực hiện đầy đủ như: kiểm tra sức khỏe, trả lương theo quy định pháp luật, trợ cấp cho hoàn cảnh khó khăn. Bên cạnh đó, Công ty còn trang bị đầy đủ, nâng cấp đồ bảo hộ cho những công nhân tại nhà máy.

Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Tại Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai, các chương trình trách nhiệm xã hội là hoạt động cần thiết và tiên quyết đối với sự phát triển bền vững của Công ty. Ban lãnh đạo cùng toàn thể cán bộ công nhân viên luôn tích cực tham gia vào các hoạt động xã hội nhằm góp phần chung tay xây dựng một cộng đồng phát triển và tiến bộ.





CHƯƠNG IV

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN

TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
- Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty
- Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY



Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019

Thứ tự	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch	Thực hiện 2019	Tỷ lệ % hoàn thành
1	Tổng doanh thu	đồng	61.401.000.000	64.018.005.704	104,3 %
	- Doanh thu tiền nước	đồng	34.326.000.000	35.412.342.550	103,2 %
	- Doanh thu lắp đặt	đồng	27.000.000.000	28.035.706.195	103,8 %
	- Doanh thu hoạt động tài chính	đồng	75.000.000	524.147.984	698,9 %
	- Doanh thu khác	đồng	-	45.808.975	
2	Tổng chi phí	đồng	55.151.000.000	56.106.890.374	101,7 %
3	Lợi nhuận trước thuế	đồng	6.250.000.000	7.911.115.330	126,6 %
4	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ Vốn điều lệ	%	26,65 %	33,74%	126,6 %
5	Nộp thuế TNDN	đồng	1.250.000.000	1.185.665.253	94,9 %
6	Lợi nhuận sau thuế	đồng	5.000.000.000	6.725.450.077	134,5 %
7	Phát sinh phải nộp ngân sách	đồng	4.800.000.000	7.618.274.213	158,7 %
8	Tổng vốn điều lệ	đồng	23.450.000.000	23.450.000.000	100%
9	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	đồng	21,32 %	28,68 %	134,5 %

Công tác thi công các công trình hệ thống cấp nước

+ Trong năm 2019, Công ty đã thi công lắp đặt các công trình đường ống lớn như:

- Công trình nâng cấp cải tạo hệ thống cấp nước KCN Long Bình (Loteco) giai đoạn III;
- Nâng cấp mở rộng đường Đỗ Văn Thi xã Hiệp Hòa, TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai;
- Cải tạo hạ tầng kỹ thuật KDC Thạnh Phú, xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu;
- Lắp đặt HTN Đồng hồ cơ D100mm cho Dự án Khu nhà ở xã Hóa An;
- Ngoài các hợp đồng thi công tuyến ống cấp nước cho các chủ đầu tư bên ngoài, Công ty đã thi công các công trình của Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai giao như: Lắp đặt mới cho các hộ hùn; Cải tạo sửa chữa HTCN các phường xã trong thành phố Biên Hòa; Các công trình chuyển đổi, di dời, trám trả mặt bằng sau thi công...

+ Về công tác lắp đặt ống nhánh cho khách hàng: Trong năm 2019, Công ty đã thực hiện lắp đặt tổng cộng: 6.168 bảng chiết tính cho các hộ gia đình và các doanh nghiệp sử dụng nước sinh hoạt và sản xuất.

Về công tác sản xuất cung cấp nước

Trong năm 2019 đã thực hiện:

- Sản xuất nước sạch cung cấp cho các phường xã: Hóa An, Tân Hạnh, Bửu Hòa, Tân Vạn. Sản lượng sản xuất bình quân 14.448m³/ngày, đạt 96,32% công suất thiết kế. Tỷ lệ thất thoát bình quân năm: 18,02%;
- Chất lượng nguồn nước đảm bảo, khi xét nghiệm các chỉ tiêu vi sinh và lý hóa đạt 100% theo quy định. Định mức tiêu hao về điện năng, hoá chất sử dụng đạt yêu cầu và thấp hơn theo định mức của Bộ Xây dựng;
- Tình hình phát triển khách hàng: Đến tháng 12/2019, tổng số danh bộ khách hàng do Công ty cấp nước trên địa bàn 4 phường xã là: 16.719 đồng hồ.





ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Nhằm đảm bảo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty đạt chỉ tiêu của Đại hội đồng cổ đông đề ra. Hội đồng quản trị đã thực hiện các công tác sau:

- Thường xuyên theo dõi, giám sát công tác quản lý, điều hành của Ban Giám đốc theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật hiện hành; giám sát việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2019, việc thực hiện các Quyết nghị của Hội đồng quản trị;
- Thông qua việc giám sát và thông qua nội dung đánh giá của Ban kiểm soát về tình hình tài chính và hoạt động điều hành của Ban Giám đốc, nắm bắt và chỉ đạo kịp thời mọi hoạt động điều hành của Ban Giám đốc nhằm hoàn thành các mục tiêu SXKD của Nghị quyết đại hội cổ đông;
- Định kỳ hàng quý, Chủ tịch HĐQT yêu cầu Giám đốc Công ty, cán bộ quản lý của các bộ phận trong Công ty trực tiếp báo cáo HĐQT tình hình thực hiện nhiệm vụ SXKD, tình hình thực hiện các công trình, dự án. Báo cáo phải nêu rõ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình công tác, những vấn đề cần được giải quyết. Qua đó cùng bàn bạc tìm ra hướng giải quyết, giải pháp thực hiện, tìm cách khắc phục những vấn đề tồn đọng;
- Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Ban điều hành Công ty: quản lý chặt chẽ hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch của nhà máy nước Hoá An, việc vận hành, quản lý hệ thống cấp nước 04 phường xã Hóa An, Tân Hạnh, Bửu Hòa, Tân Vạn; chỉ đạo công tác kiểm tra, giám sát hoạt động thi công lắp đặt theo đúng quy định của Công ty và các quy định về hoạt động thi công xây lắp; chỉ đạo công tác chống thất thoát, công tác an toàn cấp nước.





CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Để Công ty hoạt động ổn định và ngày một phát triển, Hội đồng quản trị đã đưa ra các kế hoạch hoạch sau:

- Phối hợp với Ban Giám đốc Công ty để ra phương hướng, nhiệm vụ và các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 phù hợp với tình hình và nhiệm vụ được giao;
- Xây dựng phương án dự phòng cho hoạt động cấp nước an toàn của nhà máy nước Hóa An. Nghiên cứu lập kế hoạch và phương án đầu tư để nâng công suất nhà máy nước Hóa An 15.000m³/ ngày đêm. Có kế hoạch cụ thể theo trình tự để triển khai các công việc chuẩn bị cho Dự án cải tạo, nâng công suất nhà máy nước hiện hữu;
- Xây dựng phương án hạ tỷ lệ thất thoát nước máy theo lộ trình từng bước, từng giai đoạn cho năm kế hoạch 2020 và nhiệm kỳ 2018-2023;
- Theo dõi, xem xét năng lực tài chính Công ty, cân đối các nguồn để trả nợ cho Quỹ đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai;
- Duy trì các cuộc họp của Hội đồng quản trị để tổng hợp tình hình sản xuất, xử lý khó khăn, đánh giá và chỉ đạo kịp thời việc thực hiện nhiệm vụ của các đơn vị trong toàn Công ty;
- Tăng cường chỉ đạo, giám sát các mặt hoạt động của Công ty: hoạt động xây lắp, hoạt động sản xuất nước, tình hình đầu tư TSCĐ, đầu tư XD CB, việc thực hiện chính sách đối với người lao động, quan hệ với cổ đông, công tác quản trị doanh nghiệp; kiểm tra, kiểm soát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và bộ máy giúp việc của Công ty;
- Ban hành và triển khai thực hiện Quy chế quản trị nội bộ để hoàn thiện công tác quản trị Công ty; giám sát việc thực hiện các qui chế về quản trị doanh nghiệp, tăng cường giám sát hệ thống kiểm soát nội bộ;
- Tập trung thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2020, nỗ lực mở rộng mạng lưới cấp nước, phát triển khách hàng, duy trì ổn định sản xuất, tăng doanh thu, tăng lợi nhuận. Cùng với Ban lãnh đạo Công ty phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2020, đảm bảo thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2020.



CHƯƠNG V

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

- Kết quả giám sát tình hình hoạt động của Công ty năm 2019
- Đánh giá việc quản lý điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
- Kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2020





KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CÔNG TY NĂM 2019



Về công tác sản xuất nước:

Nhà máy nước Hoá An công suất 15.000m³/ngày đêm hoạt động ổn định. Năm 2019, sản lượng nước sản xuất bình quân 14.027 m³/ngày đêm, đạt 93,5% công suất thiết kế. Chế độ vận hành và phân bổ bơm hợp lý. Chất lượng nước đảm bảo quy chuẩn của Bộ y tế.

• Tình hình sản xuất nước trong năm 2019 như sau:

+ Nhà máy xử lý nước Hoá An:

- Sản lượng nước sản xuất: 5.119.832 m³
- Sản lượng nước tiêu thụ: 4.197.206 m³
- Tỷ lệ thất thoát: 18 %
- Doanh thu năm 2019: 33.850.968.550 đồng

+ Trạm bơm nước thô Hoá An:

- Sản lượng nước sản xuất: 358.268 m³
- Sản lượng nước tiêu thụ : 346.972 m³
- Tỷ lệ thất thoát: 3,15 %
- Doanh thu năm 2019 : 1.561.374.000 đồng

• Tình hình phát triển khách hàng trên địa bàn cấp nước (4 phường xã):

- Tổng số khách hàng vào nước mới năm 2019: 797 hộ khách hàng.
- Tổng số đồng hồ đấu nối đến 31/12/2019: 16.719 đồng hồ.

Về công tác lắp đặt đường ống:

- Lắp đặt hệ thống nước cho khách hàng theo các bảng chiết tính công tác lắp đặt nhận từ Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai, các công trình lắp đặt hệ thống nước theo hợp đồng với khách hàng; BCT khách hàng 4 phường mà Công ty đang cung cấp nước. Tổng số bảng chiết tính thực hiện năm 2019 là: 6.168 BCT;
- Thi công một số công trình sửa chữa, cải tạo, di dời, trám trả do Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai giao. Trong năm, đã hoàn thành các công trình lắp đặt có giá trị lớn như: công trình tuyến ống cấp nước và đồng hồ D100 cho KDC phường Bửu Hòa; công trình cải tạo nâng cấp KCN Long Bình Loteco (giai đoạn 3); hạng mục cấp nước của Dự án nâng cấp mở rộng đường Đỗ Văn Thi, xã Hiệp Hòa; cải tạo hệ thống cấp nước KDC Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu.
- Tổng doanh thu xây lắp năm 2019: 28.035.706.195 đồng.



Công tác đầu tư XD CB, mua sắm TSCĐ:

Trong năm 2019, mua sắm máy móc, thiết bị phục vụ SXKD với tổng giá trị: 239.500.000 đồng. Bao gồm:

- Máy hàn mở nhánh trực tiếp: 180.500.000 đ
- Máy phát điện 1P-5,0 KW : 59.000.000 đ

Việc đầu tư TSCĐ thực hiện đúng quy định tại Quy chế tài chính của Công ty.

Công tác Tài chính- kế toán:

Công ty chấp hành quy định của pháp luật và Quy chế tài chính của Công ty trong việc quản lý tài chính, sử dụng nguồn vốn đúng mục đích. Kế toán áp dụng chế độ kế toán ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính. Lập biểu mẫu và mở sổ sách kế toán đúng qui định. Thực hiện đúng nghĩa vụ báo cáo thuế và nộp ngân sách. Các chỉ số tài chính nằm trong giới hạn cho phép, không có rủi ro về tài chính.



Công tác tổ chức, lao động và nhân sự:

- Tổ chức phân công lao động phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận. Việc bố trí, sắp xếp lao động, thay đổi hợp lý, đáp ứng được yêu cầu sản xuất hiện nay.
- Tổng số CB CNV đến thời điểm 31/12/2019 là: 113 người
- Tổng quỹ lương thực hiện năm 2019: 15.432,3 triệu đồng
- Thu nhập bình quân: 11,8 triệu đồng/người/tháng.
- Công ty quản lý lao động - tiền lương đúng quy định và chăm lo tốt đời sống CB-CNV. Thực hiện các nội dung về thoả ước lao động tập thể đã ký với người lao động. Thực hiện qui chế trả lương, thưởng và trích nộp BHXH, BHYT theo đúng qui định. Thu nhập và chế độ đối với người lao động được đảm bảo, người lao động an tâm công tác.





ĐÁNH GIÁ VIỆC QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty



- Hội đồng quản trị Công ty gồm 03 thành viên, trong đó có 01 thành viên hoạt động chuyên trách, giữ chức vụ Phó Giám đốc Công ty. Các thành viên HĐQT đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của HĐQT theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty;
 - Hội đồng quản trị chỉ đạo kịp thời mọi hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty; đề ra các chủ trương, định hướng phù hợp tình hình Công ty và nhiệm vụ được giao;
 - Thông qua các báo cáo của Giám đốc Công ty tại các cuộc họp Hội đồng quản trị và thông qua nội dung đánh giá của Ban Kiểm soát về tình hình tài chính và điều hành Công ty của Giám đốc, Hội đồng quản trị luôn nắm bắt tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty, chủ động trong việc chỉ đạo điều hành; đảm bảo cho hoạt động của Công ty một cách tốt nhất;
- Hội đồng quản trị tiến hành các phiên họp định kỳ và đột xuất để trao đổi, bàn bạc các vấn đề liên quan việc chỉ đạo, điều hành hoạt động Công ty. Thường xuyên theo dõi công tác điều hành, quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của Giám đốc Công ty, phối hợp với Ban kiểm soát giám sát các vấn đề như:
- Việc tuân thủ và thực hiện các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, các quy định pháp luật hiện hành và các Quy chế của Công ty;
 - Việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019. Trong năm, Hội đồng quản trị đã thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2019 theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019;
 - Thực hiện các Quyết định của Hội đồng Quản trị ban hành liên quan đến sản xuất kinh doanh và hoạt động của doanh nghiệp;
 - Hoạt động Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty luôn phối hợp chặt chẽ, đồng thuận trên cơ sở phấn đấu hoàn thành các mục tiêu của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

Đánh giá hoạt động của Ban Giám đốc Công ty

- Ban Giám đốc gồm 04 thành viên (01 Giám đốc, 02 Phó Giám đốc và 01 Kế toán trưởng) đều thực hiện tốt vai trò và trách nhiệm của mình trong công việc;
- Ban Giám đốc quản lý và điều hành chặt chẽ mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, triển khai thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị;
- Ban Giám đốc trực tiếp điều hành hoạt động của doanh nghiệp: công tác thi công các công trình lắp đặt, công tác quản lý sản xuất của nhà máy nước; công tác đầu tư mua sắm TSCĐ; công tác quản trị doanh nghiệp; chính sách đối với người lao động; đảm bảo hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, lợi ích của cổ đông và người lao động;
- Ban Giám đốc luôn bám sát phương hướng nhiệm vụ đã đề ra, tìm các giải pháp cụ thể, phù hợp với tình hình thực tế và đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ;
- Định kỳ hàng Quý, 6 tháng và hàng năm, Giám đốc Công ty báo cáo Hội đồng quản trị các chỉ tiêu tài chính chủ yếu đã thực hiện trong kỳ. Tại các cuộc họp Hội đồng quản trị, Giám đốc báo cáo tình hình SXKD, trình bày phương hướng kế hoạch trong thời gian tới để Hội đồng quản trị xem xét, đánh giá kết quả thực hiện và chỉ đạo cho các quý kế tiếp.





ĐÁNH GIÁ VIỆC QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC



Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa HĐQT, Ban kiểm soát, Giám đốc, Ban quản lý điều hành và cổ đông

- Ban quản lý điều hành Công ty đã tạo điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ, hoàn thành công tác kiểm tra, giám sát;
- Giám sát Công ty trong việc quan hệ với cổ đông: trong năm 2019, Ban kiểm soát không nhận được đơn thư yêu cầu hoặc khiếu nại của cổ đông;
- Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát và Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty luôn thống nhất trên cơ sở tuân thủ các quy định pháp luật và phấn đấu vì mục tiêu chung của Công ty.
- Hội đồng quản trị cùng với Ban lãnh đạo Công ty đã chỉ đạo sát sao và điều hành chặt chẽ mọi hoạt động của Công ty, tập trung thực hiện hoàn thành nhiệm vụ theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty phát huy năng lực của bộ máy quản trị điều hành, vai trò lãnh đạo và trách nhiệm trước CB-CNV và cổ đông của Công ty; chấp hành qui định của pháp luật trong việc quản lý điều hành; thống nhất trong công tác quản lý và không có xung đột về quyền lợi;
- Ban kiểm soát được mời tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị để nắm bắt tình hình hoạt động của Công ty, trao đổi, góp ý với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong việc giải quyết các vấn đề liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp;



KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2020

- Xây dựng kế hoạch công tác năm 2020 của Ban kiểm soát theo chức năng, nhiệm vụ được quy định; phân công, phân nhiệm để phối hợp thực hiện nhiệm vụ năm 2020;
- Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, tình hình quản trị, việc quản lý, sử dụng vốn tại Công ty cổ phần;
- Giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty trong công tác quản lý điều hành, trong hoạt động sản xuất kinh doanh; giám sát việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc; xem xét việc ban hành và thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc;
- Giám sát việc thực hiện quy chế nội bộ về quản trị Công ty; thực hiện nghĩa vụ báo cáo và công bố thông tin của công ty cổ phần;
- Hỗ trợ bộ phận kế toán về công tác chuyên môn; hỗ trợ các công việc liên quan đến hoạt động của công ty cổ phần đại chúng, giao dịch trên sàn chứng khoán.
- Kiểm tra định kỳ sổ sách, chứng từ kế toán, các tài liệu có liên quan; xác nhận số liệu báo cáo tài chính & kết quả kinh doanh 6 tháng và cả năm; lập các báo cáo cho Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Đại hội đồng cổ đông theo qui định;
- Thực hiện các công việc khác theo chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát qui định tại Điều lệ Công ty, qui chế hoạt động của Ban kiểm soát hoặc do Đại hội đồng cổ đông yêu cầu;
- Phấn đấu nâng cao năng lực của từng thành viên trong Ban kiểm soát, khắc phục những hạn chế sai sót để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

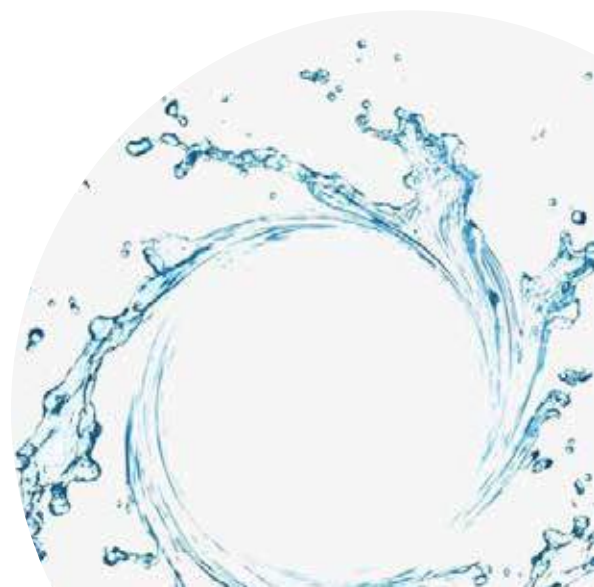




CHƯƠNG VI

BÁO CÁO QUẢN TRỊ

- Hội đồng quản trị
- Ban Kiểm soát





HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần có biểu quyết
1	Nguyễn Cao Hà	Chủ tịch HĐQT	Đại diện cho Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai: 515.900 CP (22 %)
2	Đặng Trọng Thành	Thành viên HĐQT	Sở hữu cá nhân: 29.400 CP (1,25 %)
3	Trần Chiến Thắng	Thành viên HĐQT Phó Giám đốc	Sở hữu cá nhân: 139.664 CP (5,96 %) Đại diện cho Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai: 328.300 CP (14%)

Các tiểu ban của Hội đồng quản trị: không có

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Từ sau Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 đến nay, Hội đồng quản trị đã tiến hành các phiên họp thường kỳ và đột xuất, với các nội dung chính như sau:

Thời gian	Nội dung
Ngày 22/4/2019	Quyết toán quỹ thưởng Ban điều hành năm 2018.
Ngày 12/6/2019	Tổ chức tham quan du lịch cho cán bộ quản lý Công ty và khách mời trong tháng 7/2019.
Ngày 05/7/2019	Miễn nhiệm chức danh Giám đốc Công ty và biểu quyết bổ nhiệm Giám đốc mới thay thế kể từ ngày 08/7/2019
Ngày 27/12/2019	Đánh giá tình hình hoạt động SXKD năm 2019. Ban hành Quy chế tài chính, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế Công bố thông tin của Công ty. Thống nhất sắp xếp lao động, sát nhập các Tổ, Đội sản xuất trong Công ty theo đề nghị của Giám đốc.
Ngày 31/12/2019	Trích quỹ khen thưởng của Công ty để chi cho các cá nhân, đơn vị bên ngoài đã hỗ trợ hoạt động Công ty năm 2019
Ngày 02/3/2020	Chọn ngày chốt danh sách cổ đông tham dự đại hội cổ đông thường niên năm 2020 và thông qua nội dung dự kiến của chương trình họp Đại hội cổ đông thường niên năm 2020.
Ngày /3/2020	Thông qua BCTC đã kiểm toán và kết quả kinh doanh năm 2019. Thảo luận và thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2019. Thông qua kế hoạch SXKD năm 2020.

Các nghị quyết của Hội đồng quản trị

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	15/NQ-HĐQT	04/5/2019	Quyết định ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông để trả cổ tức năm 2018.
2	16/NQ-HĐQT	27/5/2019	Quyết định lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019.
3	17/NQ-HĐQT	08/7/2019	Quyết định miễn nhiệm Giám đốc Công ty.
4	18/NQ-HĐQT	08/7/2019	Quyết định bổ nhiệm Giám đốc Công ty.
5	01/QĐ-HĐQT	03/01/2020	Quyết định Sát nhập Tổ, Đội, phân xưởng sản xuất trong Công ty CP dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai
6	02/QĐ-HĐQT	03/01/2020	Quyết định v/v ban hành Quy chế quản lý tài chính của Công ty CP dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai
7	03/QĐ-HĐQT	03/01/2020	Quyết định v/v ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị của Công ty CP dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai
8	04/QĐ-HĐQT	03/01/2020	Quyết định v/v ban hành Quy chế Công bố thông tin của Công ty CP dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai
9	01/2020/NQ-HĐQT	02/3/2020	Quyết định thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2019.





BAN KIỂM SOÁT

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú	Tỷ lệ sở hữu cổ phần tại DVW
1	Đỗ Thị Thuý Hằng	Trưởng ban	Chuyên trách	- Sở hữu cá nhân: 0 CP tỷ lệ 0%; - Sở hữu đại diện: 0 CP, tỷ lệ 0%
2	Đặng Thị Thắm	Thành viên	Không chuyên trách	- Sở hữu cá nhân: 0 CP, tỷ lệ 0%; - Sở hữu đại diện: 0 CP, tỷ lệ 0%
3	Ngô Thị Đài Trang	Thành viên	Không chuyên trách	- Sở hữu cá nhân: 0 CP, tỷ lệ 0%; - Sở hữu đại diện: 0%, tỷ lệ 0%

Hoạt động của Ban kiểm soát

- Ban kiểm soát Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu ra để thực hiện công việc kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động và tình hình tài chính của Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Trong năm 2019 Ban Kiểm soát đã thực hiện đầy đủ các chức năng, nhiệm vụ được quy định. Cụ thể như sau:
- Thực hiện kiểm tra, giám sát Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; việc tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty trong quản lý, điều hành; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về thực hiện nhiệm vụ được giao.
- Kiểm tra, giám sát Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc trong việc triển khai Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2019, việc thực hiện quy chế quản trị nội bộ, quy chế tài chính, các quy chế về quản trị doanh nghiệp...
- Giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình đầu tư XDCB, việc chấp hành chế độ, chính sách Nhà nước, việc thực hiện chính sách đối với người lao động, quan hệ với cổ đông, nghĩa vụ của công ty đại chúng.
- Xem xét tính hợp lệ và sự phù hợp các quyết định của HĐQT, Ban Giám đốc trong công tác quản lý, điều hành sản xuất, đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật, Điều lệ của Công ty và đảm bảo lợi ích của các cổ đông.
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý điều hành, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- Xem xét, kiểm tra Báo cáo tài chính Quý, 6 tháng, hàng năm của doanh nghiệp. Phối hợp với Phòng Tài chính kế toán làm rõ các nội dung trong Báo cáo tài chính. Thẩm định báo cáo tài chính 6 tháng, cả năm 2019. Xem xét các báo cáo soát xét và báo cáo tài chính đã kiểm toán của tổ chức kiểm toán độc lập.
- Tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị để nắm bắt được các chủ trương, kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng quý, 6 tháng, năm.
- Báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm của Công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
- Trong năm 2019, Ban kiểm soát đã tiến hành 03 cuộc họp với các nội dung sau:
 - + Xây dựng kế hoạch hoạt động năm 2019 và phân công nhiệm vụ của Ban Kiểm soát.
 - + Thẩm định báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2019.
 - + Thẩm định báo cáo tài chính năm 2019. Tổng kết thực hiện nhiệm vụ năm 2019 và kế hoạch hoạt động cho năm tiếp theo.



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Họ và tên	Chức vụ	Lương công việc	Lương hiệu quả	Thù lao	Thưởng năm 2019	Ghi chú
Hội đồng quản trị						
Nguyễn Cao Hà	Chủ tịch HĐQT			108.000.000	65.000.000	Không chuyên trách
Đặng Trọng Thành	Thành viên HĐQT			84.000.000	57.000.000	Không chuyên trách
Trần Chiến Thắng	Thành viên HĐQT	394.480.000	94.080.000	84.000.000	50.000.000	Chuyên trách
Ban Kiểm soát						
Đỗ Thị Thúy Hằng	Trưởng BKS	263.104.000	67.680.000		33.000.000	Chuyên trách
Ngô Thị Đài Trang	Thành viên BKS			60.000.000	11.000.000	Không chuyên trách
Đặng Thị Thắm	Thành viên BKS			60.000.000	11.000.000	Không chuyên trách
Ban Điều hành						
Phạm Văn Hội	Giám đốc	353.557.000	113.480.000		50.000.000	Chuyên trách
Phạm Ngọc Tú	Giám đốc	216.000.000	2.640.000			Chuyên trách
Phan Bình	Phó Giám đốc	394.480.000	94.080.000		27.700.000	Chuyên trách
Lê Chí Nguyên Thăng	Kế toán trưởng	325.680.000	35.680.000		27.700.000	Chuyên trách

Audit



CHƯƠNG VI
BÁO CÁO CHÍNH



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ
VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

**CÔNG TY CỔ
PHẦN DỊCH VỤ
VÀ XÂY DỰNG
CẤP NƯỚC
ĐỒNG NAI**

Digitally signed by CÔNG TY
CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY
DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI
DN: C=VN, S=Đồng Nai, L=Biên
Hòa, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP
NƯỚC ĐỒNG NAI,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1
=MST:3600978879
Reason: I am the author of this
document
Location:
Date: 2020-03-11 10:14:36

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 52, Đường Cách Mạng Tháng 8, Phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Bản thuyết minh báo cáo tài chính	9 – 28

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 52, Đường Cách Mạng Tháng 8, Phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng cấp nước Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Cao Hà	Chủ tịch
Ông Đặng Trọng Thành	Thành viên
Ông Trần Chiến Thắng	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Đỗ Thị Thúy Hằng	Trưởng ban
Bà Ngô Thị Đài Trang	Thành viên
Bà Đặng Thị Thắm	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Phạm Ngọc Tú	Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 08 tháng 07 năm 2019)
Ông Phạm Văn Hội	Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 08 tháng 07 năm 2019)
Ông Trần Chiến Thắng	Phó Giám đốc
Ông Phan Bình	Phó Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 52, Đường Cách Mạng Tháng 8, Phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Phạm Ngọc Tú
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 04 tháng 03 năm 2020

Số: 20.141/BCKT-RSM HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI**

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng cấp nước Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 04 tháng 03 năm 2020 từ trang 05 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Dịch vụ và Xây dựng cấp nước Đồng Nai tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

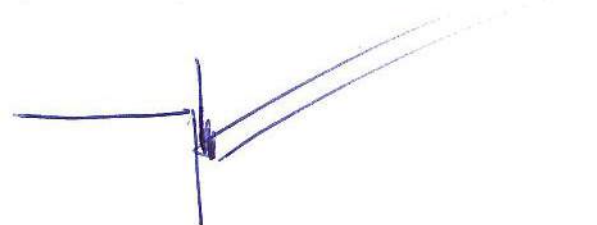
KT. TỔNG GIÁM ĐỐC



Lục Thị Vân
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0172-2018-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 03 năm 2020



Trịnh Thanh Thanh
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
2820-2020-026-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2019	Tại ngày 01/01/2019
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		36.225.103.645	34.011.489.947
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	10.905.024.110	13.713.412.043
1. Tiền	111		7.905.024.110	10.113.412.043
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.000.000.000	3.600.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		13.300.000.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.2	13.300.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		10.492.844.218	20.001.322.632
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	10.240.281.070	18.758.311.058
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		217.276.849	807.960.209
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		185.211.496	571.904.419
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.4	(149.925.197)	(136.853.054)
IV. Hàng tồn kho	140		1.270.232.457	296.755.272
1. Hàng tồn kho	141	4.5	1.270.232.457	296.755.272
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		257.002.860	-
1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.8	257.002.860	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		41.715.343.504	51.831.034.171
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	253.922.207
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	4.3	1.522.275.348	2.676.444.996
2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	4.4	(1.522.275.348)	(2.422.522.789)
II. Tài sản cố định	220		41.715.343.504	51.577.111.964
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.6	41.568.759.028	51.317.194.155
Nguyên giá	222		99.767.850.415	99.716.064.701
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(58.199.091.387)	(48.398.870.546)
2. Tài sản cố định vô hình	227		146.584.476	259.917.809
Nguyên giá	228		340.000.000	340.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(193.415.524)	(80.082.191)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		77.940.447.149	85.842.524.118

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2019	Tại ngày 01/01/2019
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		35.991.201.124	42.592.613.670
I. Nợ ngắn hạn	310		19.250.084.280	20.208.992.826
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.7	802.754.716	506.940.891
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		608.182.200	736.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.8	589.056.343	1.492.541.240
4. Phải trả người lao động	314	4.9	3.180.035.332	6.154.909.610
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.10	3.067.317.065	930.658.961
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.11	5.625.000.000	5.625.000.000
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	4.12	5.377.738.624	4.762.942.124
II. Nợ dài hạn	330		16.741.116.844	22.383.620.844
1. Phải trả người bán dài hạn	331		84.866.844	102.370.844
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		250.000.000	250.000.000
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.11	16.406.250.000	22.031.250.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		41.949.246.025	43.249.910.448
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.13	41.949.246.025	43.249.910.448
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		23.450.000.000	23.450.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		23.450.000.000	23.450.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		31.510.500	31.510.500
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	4.13.5	6.331.347.929	4.180.507.341
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		12.136.387.596	15.587.892.607
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		5.410.937.519	4.833.689.664
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		6.725.450.077	10.754.202.943
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		77.940.447.149	85.842.524.118



Phạm Ngọc Tú
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 04 tháng 03 năm 2020

Lê Chí Nguyên Thăng
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hoa
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2019	Năm 2018
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	63.451.975.911	124.406.662.949
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		3.927.166	45.525.845
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		63.448.048.745	124.361.137.104
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	44.523.481.672	92.837.578.381
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		18.924.567.073	31.523.558.723
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		524.147.984	146.834.688
7. Chi phí tài chính	22	5.3	1.746.163.000	2.138.804.000
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		<i>1.746.163.000</i>	<i>2.138.804.000</i>
8. Chi phí bán hàng	25	5.4	3.311.212.784	3.126.576.723
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.5	6.523.800.832	12.907.739.249
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7.867.538.441	13.497.273.439
11. Thu nhập khác	31		45.808.975	480.240
12. Chi phí khác	32		2.232.086	-
13. Lợi nhuận khác	40		43.576.889	480.240
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		7.911.115.330	13.497.753.679
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.7	1.185.665.253	2.743.550.736
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		6.725.450.077	10.754.202.943
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.13.3	2.380	4.493
18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.13.4	2.380	4.493



Phạm Ngọc Tú
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 04 tháng 03 năm 2020

Lê Chí Nguyên Thăng
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hoa
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2019	Năm 2018
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		7.911.115.330	13.497.753.679
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.6	10.101.268.460	11.866.122.839
Các khoản dự phòng	03	5.6	(887.175.298)	2.471.863.670
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(569.602.529)	(146.834.688)
Chi phí lãi vay	06		1.746.163.000	2.138.804.000
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		18.301.768.963	29.827.709.500
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		10.849.575.919	4.745.995.596
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(973.477.185)	9.950.054.710
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(842.102.097)	(26.722.438.147)
Tiền lãi vay đã trả	14		(1.746.163.000)	(2.138.804.000)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.8	(2.191.775.062)	(1.382.677.678)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.548.818.000)	(895.600.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		21.649.009.638	13.384.239.981
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(239.500.000)	(340.000.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		45.454.545	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(13.300.000.000)	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		524.147.984	146.834.688
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(12.969.897.471)	(193.165.312)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33		-	15.000.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.1	(5.625.000.000)	(20.468.750.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho sở hữu	36		(5.862.500.000)	(5.025.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(11.487.500.000)	(10.493.750.000)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50		(2.808.387.933)	2.697.324.669
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		13.713.412.043	11.016.087.374
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70	4.1	10.905.024.110	13.713.412.043



Phạm Ngọc Tú
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 04 tháng 03 năm 2020

Lê Chí Nguyên Thăng
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hoa
Người lập

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng cấp nước Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là Xí nghiệp Thiết kế xây dựng - một đơn vị trực thuộc của Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai. Ngày 24 tháng 09 năm 2007, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai đã ban hành Quyết định số 3058/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Xí nghiệp Thiết kế xây dựng thành công ty cổ phần. Công ty cổ phần Dịch vụ và Xây dựng cấp nước Đồng Nai chính thức đi vào hoạt động theo hình thức công ty cổ phần từ ngày 18 tháng 02 năm 2008 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4703000499 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 11 tháng 07 năm 2019.

Công ty chính thức được cấp phép đăng ký giao dịch chứng khoán theo Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 241/2017/GCNCP-VSD ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam. Ngày 29 tháng 05 năm 2018, Công ty chính thức được giao dịch chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 289/QĐ-SGDHN.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 23.450.000.000 VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia/ Quốc tịch	Tại ngày 31/12/2019		Tại ngày 01/01/2019	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	Việt Nam	8.442.000.000	36	8.442.000.000	36
Các nhà đầu tư khác	Việt Nam	15.008.000.000	64	15.008.000.000	64
Cộng		23.450.000.000	100	23.450.000.000	100

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 52, Đường Cách Mạng Tháng 8, Phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 113 (31/12/2018: 120).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất và dịch vụ.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Xây dựng công trình đường ống cấp thoát nước, trạm bơm;
- Xây dựng công trình dân dụng;
- Xây dựng công trình công nghiệp;
- Lắp đặt ống cấp nước, thoát nước, bơm;
- Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp, công trình công nghiệp;
- Giám sát thi công lắp đặt thiết bị công trình, xây dựng và hoàn thiện công trình cấp nước;
- Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng;
- Sản xuất sản phẩm kim loại ngành xây dựng (Không sản xuất tại trụ sở);
- Khai thác nước phục vụ công nghiệp;
- Khai thác, lọc nước phục vụ sinh hoạt đô thị và công nghiệp, phân phối nước sạch

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

3.3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn.

3.4. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với mức quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị các khoản nợ phải thu không cao hơn giá trị có thể thu hồi được.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

3.6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh và chi phí lắp đặt, chạy thử trừ đi giá trị sản phẩm thu hồi trong quá trình chạy thử, sản xuất thử.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	<u>Năm 2019</u>	<u>Năm 2018</u>
▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25 năm	05 – 25 năm
▪ Máy móc thiết bị	05 – 12 năm	05 – 08 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 – 30 năm	06 – 30 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 06 năm	03 – 06 năm

3.7. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua. Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.8. Nguồn vốn chủ sở hữu***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá trị tài sản, nợ phải trả được chuyển thành vốn lớn hơn giá trị phần vốn được tính là vốn góp của chủ sở hữu.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

3.9. Doanh thu***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

3.10. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là khoản hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau và sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh khoản giảm trừ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.11. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, dịch vụ; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.12. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh chi phí lãi vay phát sinh trong kỳ.

3.13. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí lắp đặt hệ thống nước cho khách hàng là hộ gia đình, chi phí thay thế đồng hồ nước, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (cả hoạt động lắp đặt),....

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

3.14. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Ưu đãi, miễn giảm thuế

Theo Thông tư 96/2015/TT-BTC, Công ty được hưởng mức thuế suất ưu đãi 10% trong suốt thời gian hoạt động đối với hoạt động cung cấp nước sạch.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Cung cấp nước: 5%;
- Dịch vụ lắp đặt: 10%;

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**3.15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.16. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.17. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

3.18. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/12/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Tiền mặt	66.208.533	141.508.926
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.838.815.577	9.971.903.117
Các khoản tương đương tiền	3.000.000.000	3.600.000.000
Cộng	10.905.024.110	13.713.412.043

4.2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 06 tháng đến 12 tháng với lãi suất từ 7,0%/năm đến 7,0%/năm

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.3. Phải thu của khách hàng**

	Tại ngày 31/12/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Ngắn hạn:		
Phải thu khách hàng là các bên liên quan		
– Xem thêm mục 8	8.023.453.981	15.248.713.956
Các khách hàng khác	2.216.827.089	3.509.597.102
Cộng	<u>10.240.281.070</u>	<u>18.758.311.058</u>
Dài hạn:		
Phải thu từ khách hàng:		
Ban Quản lý dự án TP. Biên Hòa	1.289.881.020	1.300.369.020
Các khách hàng khác	232.394.328	1.376.075.976
Cộng	<u>1.522.275.348</u>	<u>2.676.444.996</u>

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 52, Đường Cách Mạng Tháng 8, Phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.4. Nợ xấu**

	Tại ngày 31/12/2019 VND		Tại ngày 01/01/2019 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	1.741.442.254	69.241.709	2.836.431.811	277.055.968

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

**Tại ngày 31/12/2019
VND****Tại ngày 01/01/2019
VND**

	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Bên Quản lý dự án TP. Biên Hòa	1.289.881.020	-	Trên 3 năm	1.300.369.020	-	Trên 3 năm
JBND Phường Long Bình	144.882.155	-	Trên 3 năm	1.288.563.803	253.922.207	Trên 3 năm
Công ty TN-H - Xây Dựng Duy Tiên	87.512.173	-	Trên 3 năm	87.512.173	-	Trên 3 năm
Các khách hàng khác	219.166.906	69.241.709	Từ 6 tháng đến 3 năm	159.986.815	23.133.761	Từ 6 tháng đến 3 năm
Cộng	1.741.442.254	69.241.709		2.836.431.811	277.055.968	

4.5. Hàng tồn kho**Tại ngày 31/12/2019
VND****Tại ngày 01/01/2019
VND**

	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	630.180.597	-	137.221.272	-
Công cụ, dụng cụ	59.841.000	-	159.534.000	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	580.210.860	-	-	-
Cộng	1.270.232.457	-	296.755.272	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CÁP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 52, Đường Cách Mạng Tháng 8, Phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2019	17.484.423.234	25.443.732.465	56.321.568.003	460.340.999	99.716.064.701
Mua trong năm	-	233.500.000	-	-	239.500.000
Thanh lý, nhượng bán	-	(187.714.286)	-	-	(187.714.286)
Tại ngày 31/12/2019	17.484.423.234	25.501.518.179	56.321.568.003	460.340.999	99.767.850.415
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2019	12.354.736.672	17.211.632.226	18.582.572.898	249.928.750	48.398.870.546
Khấu hao trong năm	1.647.039.762	2.525.999.977	5.713.290.721	101.604.667	9.987.935.127
Thanh lý, nhượng bán	-	(187.714.286)	-	-	(187.714.286)
Tại ngày 31/12/2019	14.001.776.434	19.549.917.917	24.295.863.619	351.533.417	58.199.091.387
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2019	5.129.686.562	8.238.100.239	37.738.995.105	210.412.249	51.317.194.155
Tại ngày 31/12/2019	3.482.646.800	5.951.600.262	32.025.704.384	108.807.582	41.568.759.028

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình là 28.440.472.425 VND đã được dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm mục 4.11.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 6.621.843.862 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 52, Đường Cách Mạng Tháng 8, Phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.7. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2019		Tại ngày 01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ông Bùi Đình Quyết	270.511.000	270.511.000	-	-
Công ty TNHH Bảo Bảo Gia	327.926.700	327.926.700	48.950.000	48.950.000
Phải trả cho các đối tượng khác	204.317.016	204.317.016	457.990.891	457.990.891
Cộng	802.754.716	802.754.716	506.940.891	506.940.891

4.8. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 31/12/2019		Trong năm		Tại ngày 01/01/2019	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	107.348.333	2.115.975.034	2.451.322.562	-	442.695.861
Thuế thu nhập doanh nghiệp	257.002.860	-	1.185.665.253	2.191.775.062	-	749.106.949
Thuế thu nhập cá nhân	-	7.800.000	631.200.821	631.200.321	-	7.800.000
Thuế tài nguyên	-	18.201.390	225.740.220	221.235.155	-	13.696.365
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	-	68.212.980	68.212.980	-	-
Các khoản phí, lệ phí	-	455.706.620	3.391.479.905	3.215.015.350	-	279.242.065
Cộng	257.002.860	589.056.343	7.618.274.213	8.778.761.970	-	1.492.541.240

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.9. Phải trả người lao động**

	Tại ngày 31/12/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Tiền lương tháng 12	1.230.639.760	1.045.513.910
Tiền thưởng	1.438.932.000	2.668.770.000
Trích dự phòng quỹ tiền lương	510.463.572	2.440.625.700
Cộng	3.180.035.332	6.154.909.610

4.10. Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Phải trả bên liên quan – Xem thêm mục 8	293.508.224	293.508.224
Kinh phí công đoàn	193.122.832	193.122.832
Bảo hiểm xã hội	14.429.122	25.779.319
Bảo hiểm y tế	36.865.785	40.156.027
Bảo hiểm thất nghiệp	29.012.056	29.860.831
Tiền cổ tức phải trả	2.110.500.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	389.879.046	348.231.728
Cộng	3.067.317.065	930.658.961

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 52, Đường Cách Mạng Tháng 8, Phường Quyết Thắng TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.11. Vay**

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2019		Trong năm		Tại ngày 01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	5.625.000.000	5.625.000.000	5.625.000.000	5.625.000.000	5.625.000.000	5.625.000.000
Vay dài hạn	16.406.250.000	16.406.250.000	-	5.625.000.000	22.031.250.000	22.031.250.000
Tổng cộng	22.031.250.000	22.031.250.000	5.625.000.000	11.250.000.000	27.656.250.000	27.656.250.000

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

Loại tiền	Lãi suất	Tại ngày 31/12/2019	Tại ngày 01/01/2019
VND	7%/năm	5.625.000.000	5.625.000.000

Vay dài hạn đến hạn trả:

Quý đầu tư phát triển tỉnh Đồng Nai

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

Loại tiền	Lãi suất	Tại ngày 31/12/2019	Tại ngày 01/01/2019
VND	7%/năm	16.406.250.000	22.031.250.000

Vay dài hạn:

Quý đầu tư phát triển tỉnh Đồng Nai

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thông tin về tài sản cầm cố, thế chấp đảm bảo cho các khoản vay như sau:

- Hệ thống phân phối nước khu vực 04 phường xã: Hòa An, Tân Hạnh, Bửu Hòa và Tân Vạn;
- Xe tải ben HD601,8 tấn biển số 60C 212 57;
- Xe toyota Zace 8 chỗ, biển số 60A 227 82;
- Xe tải nhẹ KIA biển số 60C 212 62.

Giá trị còn lại của các khoản tài sản cầm cố thế chấp là 28.440.472.426 VND – Xem thêm mục 4.6.

4.12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Quỹ khen thưởng, phúc lợi VND
Tại ngày 01/01/2019	4.762.942.124
Trích trong năm	2.163.614.500
Chi trong năm	(1.548.818.000)
Tại ngày 31/12/2019	5.377.738.624

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 52, Đường Cách Mạng Tháng 8, Phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.13. Vốn chủ sở hữu****4.13.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và các quỹ VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2018	16.750.000.000	31.510.500	7.228.881.528	16.170.785.711	40.181.177.739
Tăng vốn trong năm trước	6.700.000.000	-	(6.700.000.000)	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	10.754.202.943	10.754.202.943
Trích các quỹ đầu tư phát triển	-	-	3.651.625.813	(3.651.625.813)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(2.660.470.234)	(2.660.470.234)
Chia cổ tức	-	-	-	(5.025.000.000)	(5.025.000.000)
Tại ngày 01/01/2019	23.450.000.000	31.510.500	4.180.507.341	15.587.892.607	43.249.910.448
Lãi trong năm nay	-	-	-	6.725.450.077	6.725.450.077
Trích các quỹ đầu tư phát triển	-	-	2.150.840.588	(2.150.840.588)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(2.163.614.500)	(2.163.614.500)
Chia cổ tức	-	-	-	(5.862.500.000)	(5.862.500.000)
Tại ngày 31/12/2019	23.450.000.000	31.510.500	6.331.347.929	12.136.387.596	41.949.246.025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.13.2.Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2019	Tại ngày 01/01/2019
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	2.345.000	2.345.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	2.345.000	2.345.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	2.345.000	2.345.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

4.13.3.Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	6.725.450.077	10.754.202.943
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(1.143.326.513)	(2.163.614.500)
Lãi sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.582.123.564	8.590.588.443
Số cổ phần phổ thông lưu hành bình quân trong năm	2.345.000	1.911.795
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.380	4.493

4.13.4.Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	6.725.450.077	10.754.202.943
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(1.143.326.513)	(2.163.614.500)
Lãi sau thuế để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	5.582.123.564	8.590.588.443
Số cổ phần phổ thông lưu hành bình quân trong năm	2.345.000	1.911.795
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.380	4.493

4.13.5.Các quỹ của doanh nghiệp

	Quỹ đầu tư phát triển VND
Tại ngày 01/01/2019	4.180.507.341
Trích trong năm	2.150.840.588
Chi trong năm	-
Tại ngày 31/12/2019	6.331.347.929

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Doanh thu cấp nước	35.412.342.550	33.867.802.393
Doanh thu hoạt động xây lắp	28.039.633.361	90.538.860.556
Cộng	63.451.975.911	124.406.662.949
Trong đó, doanh thu cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan – Xem thêm mục 8	15.187.265.315	75.094.277.778

5.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Giá vốn hoạt động cấp nước	20.781.632.241	23.723.080.783
Giá vốn hoạt động xây lắp	23.741.849.431	69.114.497.598
Cộng	44.523.481.672	92.837.578.381

5.3. Chi phí tài chính

Là chi phí lãi vay phát sinh trong năm.

5.4. Chi phí bán hàng

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nhân viên	1.822.058.281	1.783.355.079
Chi phí dụng cụ đồ dùng	1.044.769.930	1.239.635.864
Chi phí khác	444.384.573	103.585.780
Cộng	3.311.212.784	3.126.576.723

5.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nhân viên quản lý	3.450.527.385	6.633.289.624
Chi phí dự phòng	(887.175.298)	2.471.863.670
Chi phí dịch vụ mua ngoài	844.417.017	498.885.402
Chi phí khác	3.116.031.728	3.303.700.553
Cộng	6.523.800.832	12.907.739.249

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<u>Năm 2019</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2018</u> <u>VND</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	16.948.081.971	30.797.852.464
Chi phí nhân công	21.050.322.558	45.269.072.178
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.101.268.460	11.866.122.839
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.881.542.990	4.358.311.067
Chi phí dự phòng	(887.175.298)	2.471.863.670
Chi phí khác bằng tiền	3.844.665.467	4.075.122.135
Cộng	<u>54.938.706.148</u>	<u>98.838.344.353</u>

5.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

	<u>Năm 2019</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2018</u> <u>VND</u>
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	7.911.115.330	13.497.753.679
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	312.000.000	220.000.000
Trừ: Thu nhập từ hoạt động khác chịu thuế suất 20%	(3.633.537.200)	-
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	4.589.578.130	13.717.753.679
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	10%	20%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính	458.957.813	2.743.550.736
Cộng: Thuế TNDN từ hoạt động khác chịu thuế suất 20%	726.707.440	-
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	<u>1.185.665.253</u>	<u>2.743.550.736</u>

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí/thu nhập khi tính thuế.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ**6.1. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm**

	<u>Năm 2019</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2018</u> <u>VND</u>
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(5.625.000.000)	(20.468.750.000)

7. BÁO CÁO BỘ PHẬN**Theo lĩnh vực kinh doanh**

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- Cung cấp nước sạch
- Dịch vụ lắp đặt

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 52, Đường Cách Mạng Tháng 8, Phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Cung cấp nước sạch		Dịch vụ lắp đặt		Tổng cộng	
	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Doanh thu						
Từ khách hàng bên ngoài	35.412.342.550	33.867.802.393	28.039.633.361	90.538.860.556	63.451.975.911	124.406.662.949
Kết quả kinh doanh						
Kết quả của bộ phận	14.630.710.309	10.144.721.510	4.293.856.764	21.378.837.113	18.924.567.073	31.523.558.723
Chi phí không phân bổ					9.835.013.616	16.034.315.972
Thu nhập tài chính					524.147.984	146.834.688
Chi phí tài chính					1.746.163.000	2.138.804.000
Lợi nhuận khác					43.576.889	480.240
Lợi nhuận trước thuế					7.911.115.330	13.497.753.679
Thuế thu nhập doanh nghiệp					1.185.665.253	2.743.550.736
Lợi nhuận sau thuế					6.725.450.077	10.754.202.943

Các thông tin khác

	Cung cấp nước sạch		Dịch vụ lắp đặt		Tổng cộng	
	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Tổng tài sản của bộ phận					77.940.447.149	85.842.524.118
Nợ phải trả không phân bổ					35.991.201.124	42.592.613.670
Chi phí mua sắm tài sản trong kỳ			239.500.000	340.000.000	239.500.000	340.000.000
Chi phí khấu hao trong kỳ	9.699.852.637	11.471.834.795	401.415.823	394.288.044	10.101.268.460	11.866.122.839

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Theo khu vực địa lý***

Công ty không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì hoạt động của Công ty hoàn toàn tại tỉnh Đồng Nai nên không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần thiết phải thuyết minh.

8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**Danh sách các bên liên quan****Mối quan hệ**

- | | |
|--------------------------------------|---------------------------------|
| 1. Công ty Cổ phần cấp nước Đồng Nai | Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể |
| 2. Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc | Nhân sự quản lý chủ chốt |

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/12/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Phải thu – Xem thêm mục 4.3:		
Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	8.023.453.981	15.248.713.956
	Tại ngày 31/12/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn:		
Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	60.281.849	807.960.209
	Tại ngày 31/12/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Phải trả ngắn hạn khác – Xem thêm mục 4.10:		
Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	293.508.224	293.508.224
Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:		
	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Cung cấp dịch vụ - Xem thêm mục 5.1:		
Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	15.187.265.315	75.094.277.778
	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Mua hàng:		
Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	688.520.645	5.198.100.439

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Thù lao và thu nhập	2.623.957.000	2.768.544.000

9. THU NHẬP CỦA BAN KIỂM SOÁT

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Tiền lương và các chi phí hoạt động	450.784.000	384.000.000

10. SỐ LIỆU SO SÁNH

Các số liệu so sánh dưới đây đã được báo cáo lại:

Kết quả hoạt động kinh doanh (Trích)

	Năm 2018 VND (Được báo cáo lại)	Năm 2018 VND (Đã được báo cáo trước đây)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.493	4.725
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	4.493	4.725

Việc báo cáo lại thông tin so sánh nêu trên là do có sự chênh lệch giữa số quy khen thưởng phúc lợi tạm trích trong năm 2018 và số được duyệt theo Nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông Thường Niên số 14/NQ-ĐHCĐ2019 ngày 19 tháng 04 năm 2019.

11. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

12. CÁC THÔNG TIN THUYẾT MINH KHÁC

Doanh thu từ mảng dịch vụ lắp đặt chiếm khoảng 73% trong tổng doanh thu năm 2018 của Công ty, chủ yếu đến từ các hợp đồng cung cấp dịch vụ lắp đặt với Công ty Cổ phần Cấp Nước Đồng Nai. Năm 2019, doanh thu lắp đặt giảm khoảng 63%, dẫn đến tổng doanh thu giảm gần 50% so với năm 2018, do Công ty Cổ phần Cấp Nước Đồng Nai đã thành lập đội xây lắp riêng và hạn chế sử dụng dịch vụ thuê ngoài cho việc lắp đặt các tuyến ống, hệ thống cấp nước.



Phạm Ngọc Tú
Giám đốc
Đồng Nai, ngày 04 tháng 03 năm 2020

Lê Chí Nguyên Thăng
Kế toán trưởng


Nguyễn Thị Hoa
Người lập



Đồng Nai, ngày 30 Tháng 03 năm 2020

**XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO
PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**

GIÁM ĐỐC



Phạm Ngọc Tú



Địa chỉ: 52 đường Cách Mạng Tháng 8, phường Quyết Thắng, Thành phố Biên
Hoà, Tỉnh Đồng Nai



Số điện thoại: (0251) 3941 679

Số fax: (0251) 3840 797



Website: www.dvxdcn.com